



Đề cương bài giảng môn học

KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN

TS. Lê Văn Thông

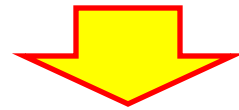
Email: lvthong@vnuhcm.edu.vn

Điện thoại: 0938.07.5555



Chương 3:

GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG



1. LÝ LUẬN CỦA KARL MARX VỀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ
2. TÍCH LŨY TƯ BẢN
3. CÁC HÌNH THỨC BIỂU HIỆN GTTD TRONG NỀN
KINH TẾ THỊ TRƯỜNG



TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình **“Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin”** – Tài liệu tập huấn giảng dạy tháng 08/2019.
2. Adam Smith: **“Của cải của các quốc gia”**, NXB Giáo dục, 1997.
3. Daniel Yergin và Joseph Stanislaw. **“Những đỉnh cao của chỉ huy”**, NXB Thế giới, 2018.
4. Karl Marx: **“Tư Bản”, Tập thứ nhất, Quyển 1, phần 1**, NXB Sự Thật, Hà Nội, 1984
5. Karl Marx: **“Tư Bản”, Tập thứ nhất, Quyển 1, phần 2**, NXB Sự Thật, Hà Nội, 1984
6. Karl Marx và F.Engels: **“Tuyên ngôn của Đảng cộng sản”**, NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2018
7. Yuval Noah Harari : **“Lược sử loài người”**, NXB Tri thức, 2017
8. Mortimer Chambers: **“Lịch sử văn minh phương Tây”**, NXB Văn hóa Thông tin, 2004



❖ Một số vấn đề cần nắm sau khi kết thúc chương 3

1. Tư bản là gì?.
2. Đặc trưng của phương thức sản xuất TBCN là gì?
3. Giá trị thặng dư là gì? Tư bản khác với giá trị thặng dư ra sao?
4. Nhà tư bản là gì?. Tiểu tư sản là gì?
5. Giai cấp tư sản, giai cấp vô sản là gì?
6. Mối quan hệ giữa lợi nhuận, lợi tức và địa tô?
7. Hàng hóa sức lao động là gì?
8. Thế nào là bóc lột sức lao động?
9. Mục đích nghiên cứu Giá trị thặng dư TBCN.



GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

1. LÝ LUẬN CỦA KARL MARX VỀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ

1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư

➤ Công thức chung của tư bản

$H - T - H$: Lưu thông hàng hóa giản đơn $\Rightarrow$ BÁN ĐỂ MUA

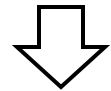
$T - H - T$: Tiền, Hàng được coi là tư bản $\Rightarrow$ MUA ĐỂ BÁN

Công thức chung
của tư bản



$T - H - T'$

$$T' = T + \Delta T$$



**Tư bản là sự vận động của giá trị (*)
nhằm mang lại giá trị thặng dư**

Giá trị
thặng dư

(*)Giá trị = Tiền, Giá trị = Hàng hóa



➤ Công thức chung của tư bản

Tư bản là **tiền**, tư bản là **hàng hóa (T-H-T')**





➤ Công thức chung của tư bản

Giá trị luôn luôn chuyển từ hình thái này qua hình thái khác. Nếu cố định những hình thái biểu hiện đặc biệt mà một giá trị đang tăng lên lần lượt mang lấy trong vòng đời của nó (T-H-T), thì chúng ta định nghĩa như sau:

Tư bản là tiền, tư bản là hàng hóa vận động theo công thức T – H – T'



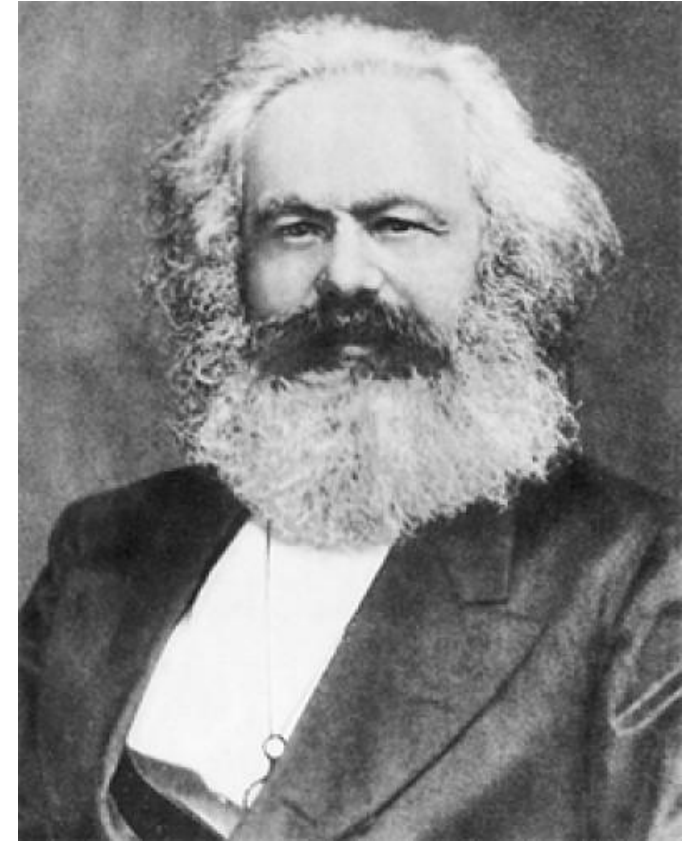
Nếu không mang hình thái hàng hóa, tiền không thể trở thành tư bản được.



➤ NGUỒN GỐC GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TBCN

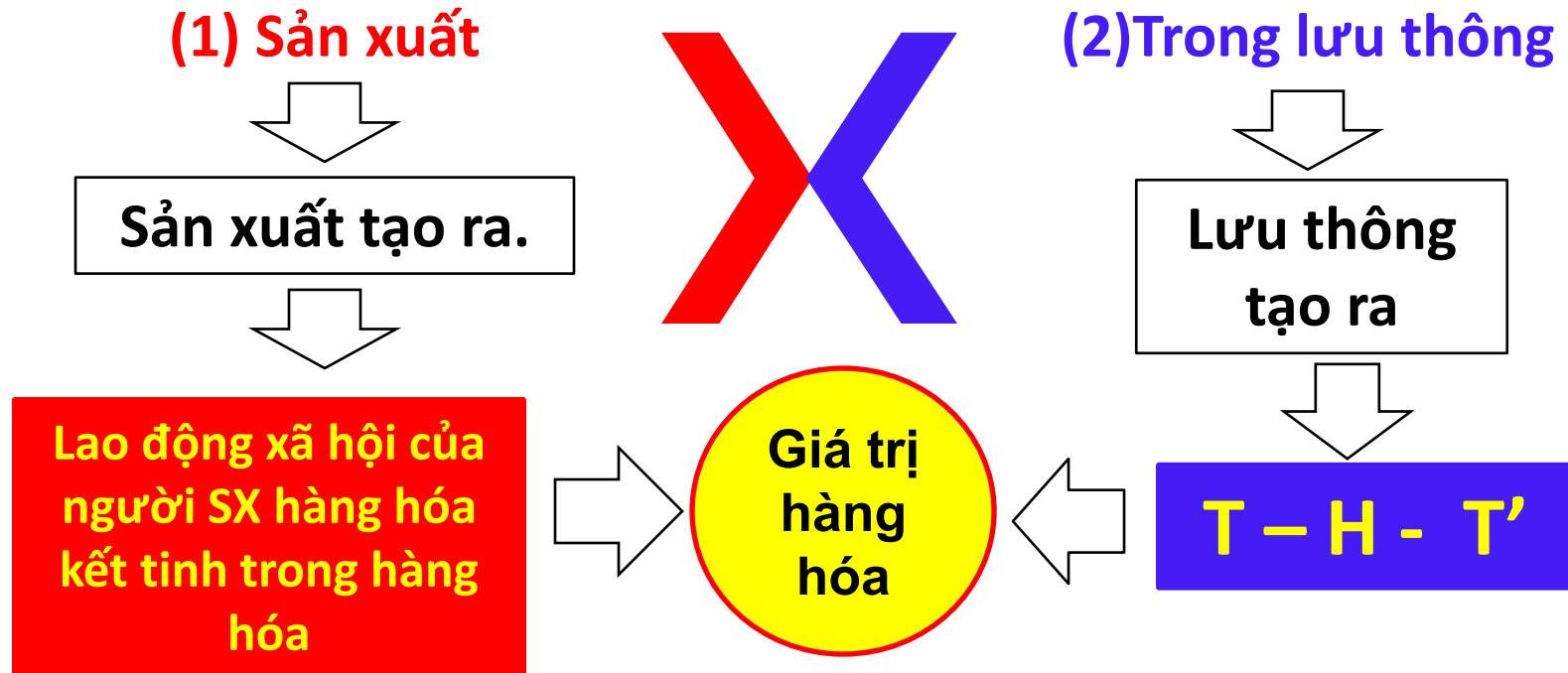
❖ **GIÁ TRỊ THẶNG DƯ ĐƯỢC
SINH RA TỪ LĨNH VỰC NÀO?**

1. Lĩnh vực sản xuất?
2. Lĩnh vực lưu thông?
3. Cả hai: sản xuất và lưu thông?





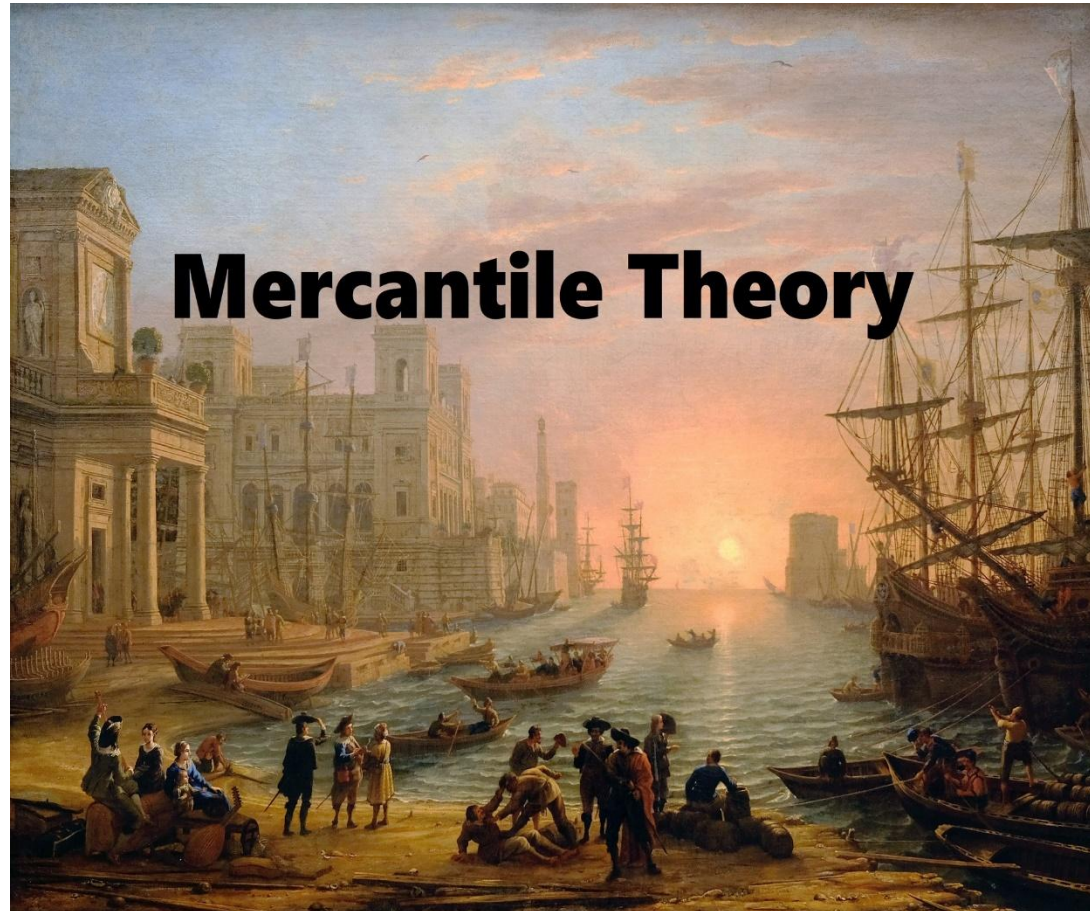
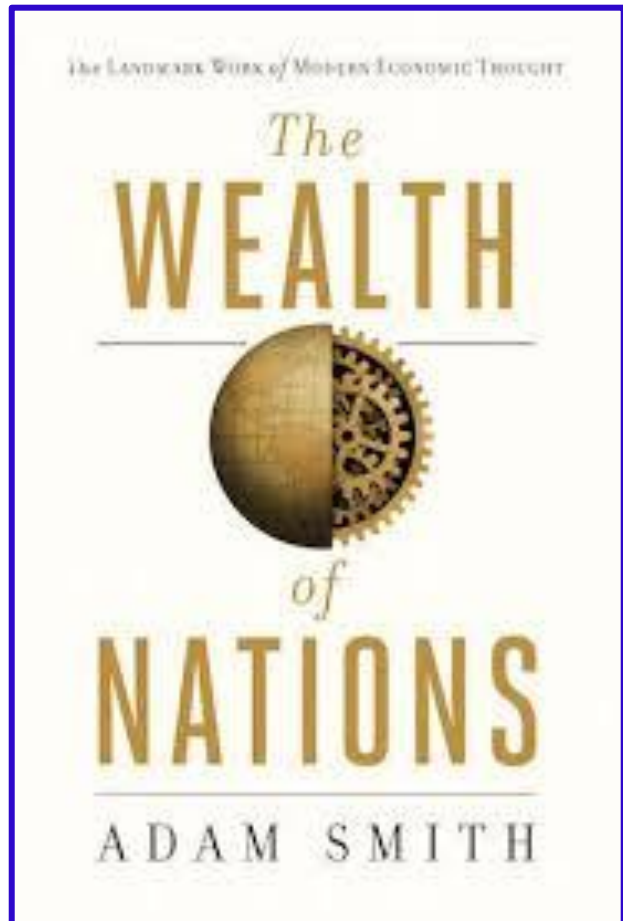
➤ Mâu thuẫn công thức chung của tư bản



Giá trị thặng dư **được tạo ra trong sản xuất** nhưng công thức $T - H - T'$ cho thấy rằng GTTD cũng **được tạo ra trong lưu thông**. Đây chính là mâu thuẫn công thức chung của tư bản



➤ Mâu thuẫn công thức chung của tư bản





➤ Mâu thuẫn công thức chung của tư bản

- Trao đổi ngang giá trong lưu thông



- Trao đổi không ngang giá.

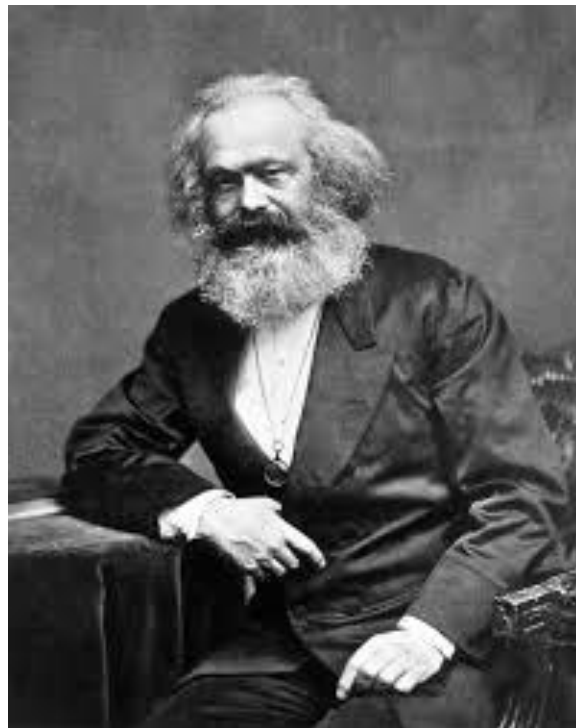


Karl Marx: Lưu thông hay trao đổi hàng hóa, không sáng tạo ra giá trị nào cả



➤ Mâu thuẫn công thức chung của tư bản

“Vậy là **tư bản** không thể xuất hiện từ lưu thông và cũng không thể xuất hiện ở bên ngoài lưu thông. Nó phải xuất hiện trong lưu thông và đồng thời không phải trong lưu thông” [4; tr216]

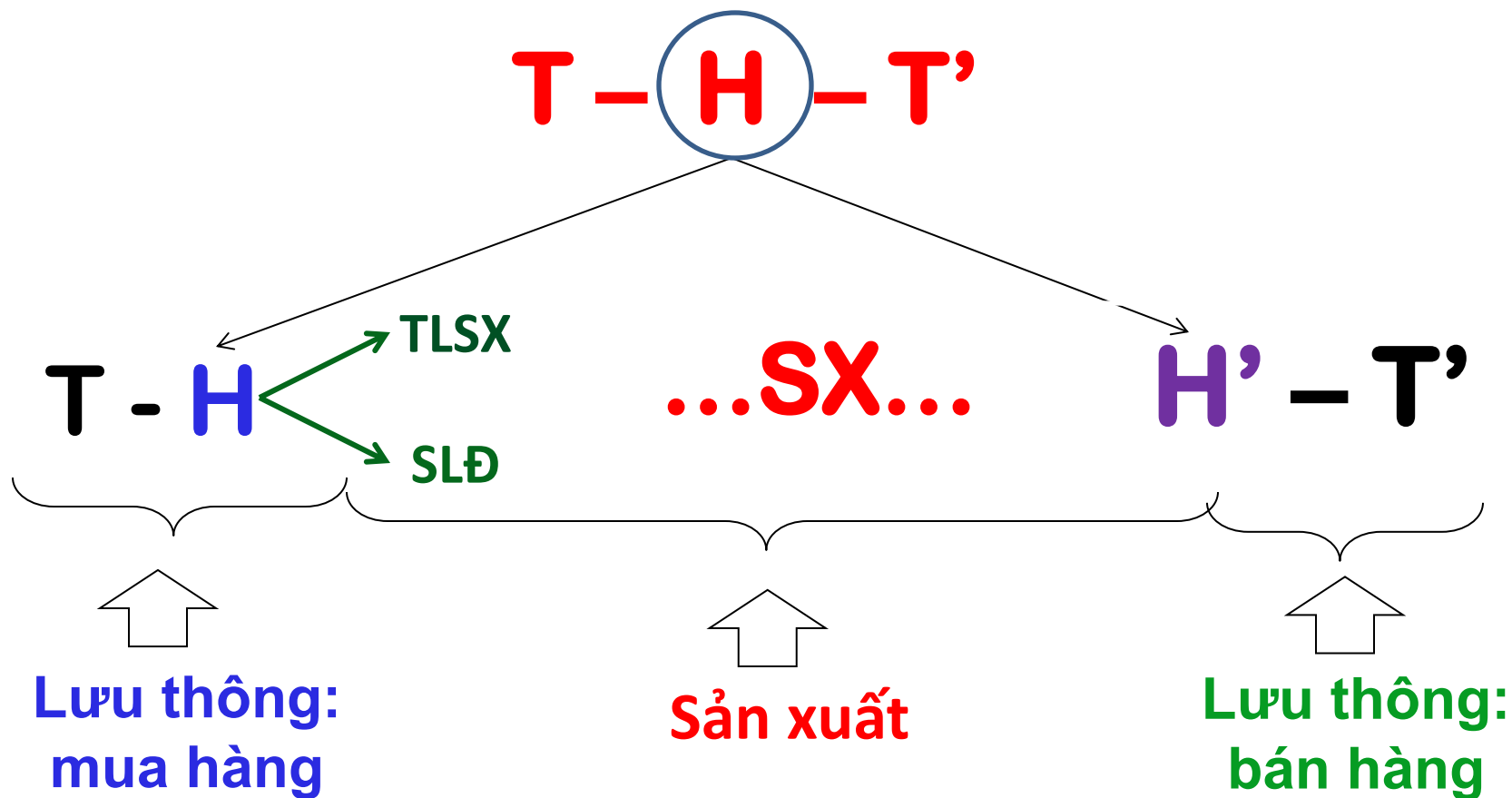


⇓
 ΔT được tạo ra từ sản xuất, nhưng phải có lưu thông **ΔT mới được sinh ra.**
⇓

“Dù giá trị thặng dư mà tư bản đã rút được từ quá trình sản xuất trực tiếp ra và biểu hiện thành hàng hóa là thế nào đi chăng nữa, thì giá trị và giá trị thặng dư chứa đựng trong những hàng hóa phải chỉ được thực hiện trong quá trình lưu thông mà thôi” [10; tr 447]



➤ Công thức chung của tư bản





1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư

➤ Hàng hóa sức lao động

“Sức lao động hay năng lực lao động là **toàn bộ những năng lực thể chất** và **tinh thần** tồn tại trong một cơ thể, trong một con người đang sống, và được người đó đem ra vận dụng mỗi khi sản xuất ra một giá trị sử dụng nào đó” [4; tr 218]

SLĐ =

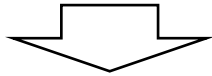




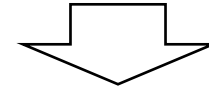
➤ Hàng hóa sức lao động

➤ Hai điều kiện để sức lao động trở thành hàng hóa

1. NLĐ phải được tự do về thân thể



2. Họ buộc phải tự nguyện bán sức lao động





➤ Hàng hóa sức lao động

Sức lao động là hàng hóa đặc biệt

- (1) Tồn tại trong cơ thể con người.
- (2) Bán trong 1 thời gian nhất định mà thôi
- (3) Khi bán sức lao động, người bán vẫn không từ bỏ quyền sở hữu sức lao động ấy
- (4) Hàng hóa có giá trị tinh thần và lịch sử

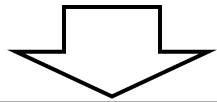
“Để chuyển hóa tiền thành tư bản, người chủ tiền phải tìm được người lao động tự do trên thị trường hàng hóa, tự do theo 2 nghĩa: theo nghĩa con người tự do, chỉ phối được sức lao động của mình với tư cách là một hàng hóa, mặt khác anh ta không có một hàng hóa nào để bán” [4; tr220]



➤ Hàng hóa sức lao động

➤ Hai thuộc tính của hàng hóa sức lao động

Số thời gian lao động cần thiết để sản xuất, và do đó để tái sản xuất ra nó.



Thời gian cần thiết để SX ra SLĐ = Thời gian lao động cần thiết để SX ra những tư liệu sinh hoạt nuôi sống người có SLĐ ấy



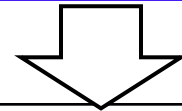
Yếu tố tinh thần và lịch sử

Giá trị

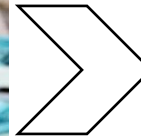
Hàng hóa SLĐ

Giá trị sử dụng

Người công nhân phải sản xuất ra một sản phẩm nhất định nào đó



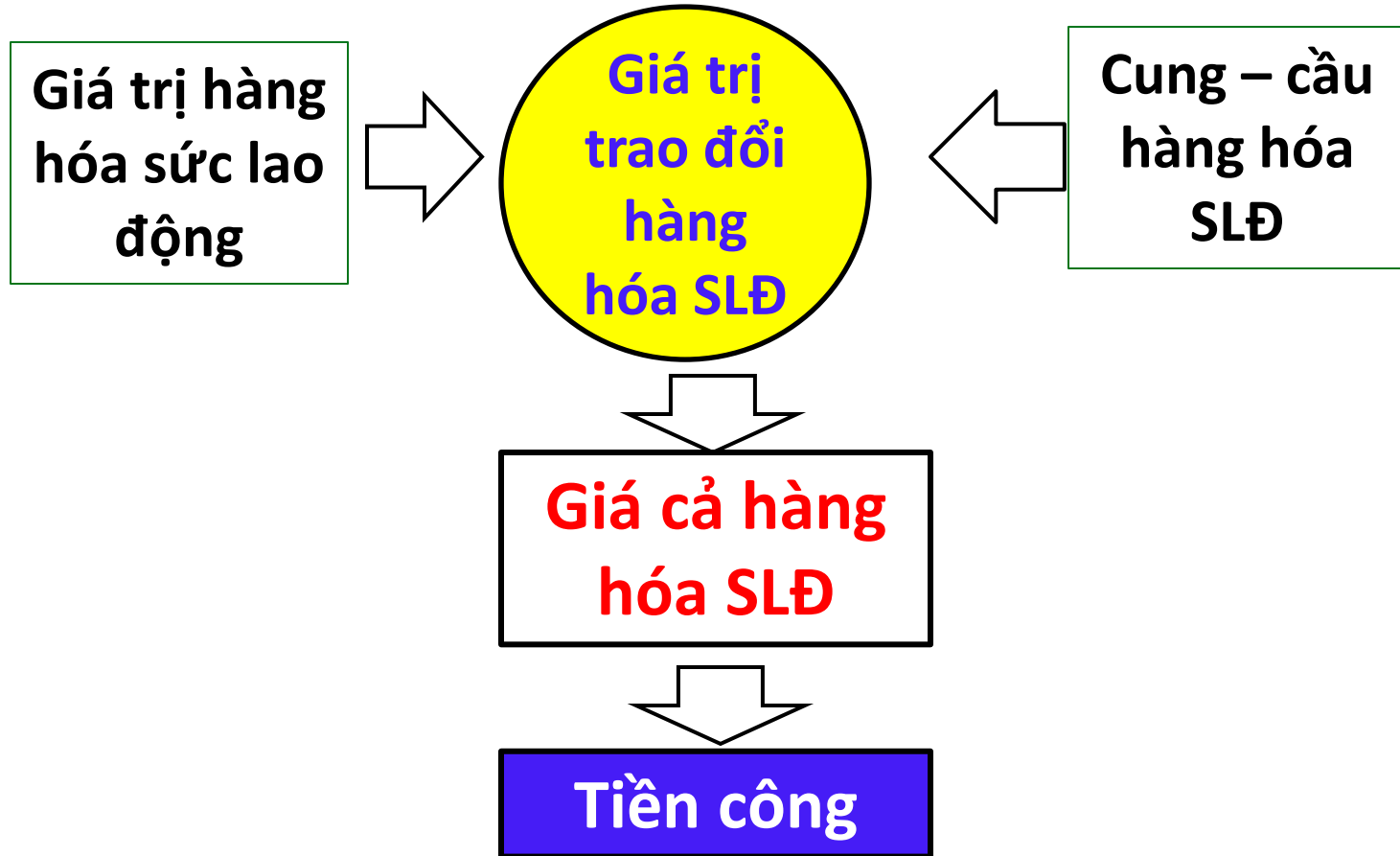
Giá trị sử dụng của hàng hóa SLĐ bước ra khỏi quá trình lao động với tư cách là sản phẩm





➤ Hàng hóa sức lao động

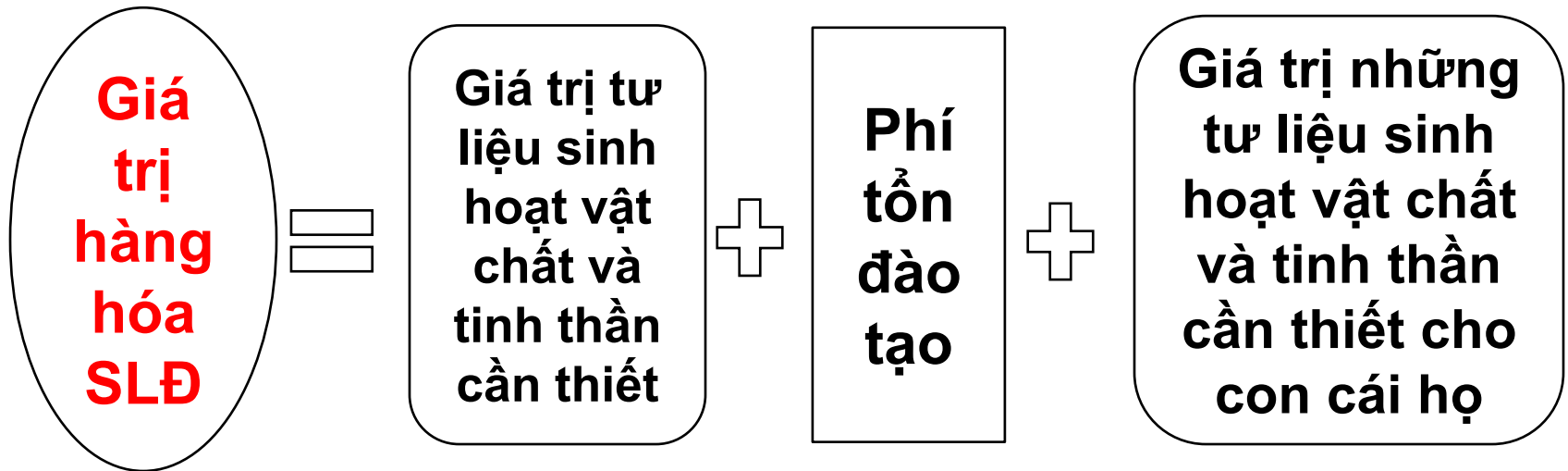
➤ Giá trị hàng hóa sức lao động





➤ Hàng hóa sức lao động

- Giá trị hàng hóa sức lao động



- Giá trị sử dụng hàng hóa sức lao động

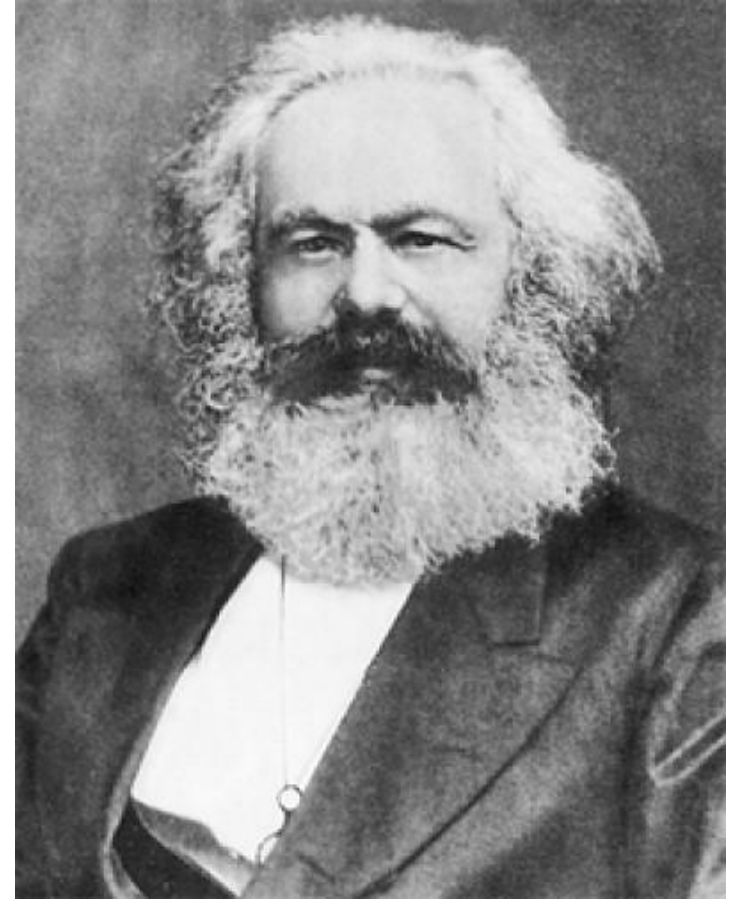
Tính chất đặc biệt của hàng hóa SLĐ là khi sử dụng, **nó tạo ra giá trị mới lớn hơn giá trị bản thân nó**. K. Marx khẳng định, nguồn gốc giá trị thặng dư do sức lao động tạo ra.



➤ NGUỒN GỐC GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TBCN

❖ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TBCN DO YẾU TỐ NÀO TẠO RA?

1. Nhà tư bản?
2. Lao động làm thuê (công nhân)?
3. Máy móc?
4. Vốn?
5. Đất đai?
6. Khoa học công nghệ?
7.



Sản xuất hàng hóa trước TBCN và sản xuất hàng hóa TBCN khác nhau thế nào?



➤ Đặc trưng của phương thức sản xuất TBCN

Đặc trưng phương thức sản xuất TBCN

1. Sản phẩm với tư cách là hàng hóa và hàng hóa với tư cách là sản phẩm của tư bản.

2. Sản xuất ra GTTD là mục đích trực tiếp và động cơ quyết định của việc sản xuất.

**Tư liệu sản xuất dưới
hình thái tư bản**

**Lao động dưới hình thái
lao động làm thuê**

**Hai nhân tố cơ bản của phương
thức sản xuất TBCN**



1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư

➤ Quá trình sản xuất giá trị thặng dư

1. Công nhân làm việc dưới sự kiểm soát của nhà tư bản



2. Sản phẩm làm ra thuộc về nhà tư bản.

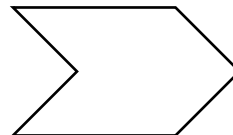
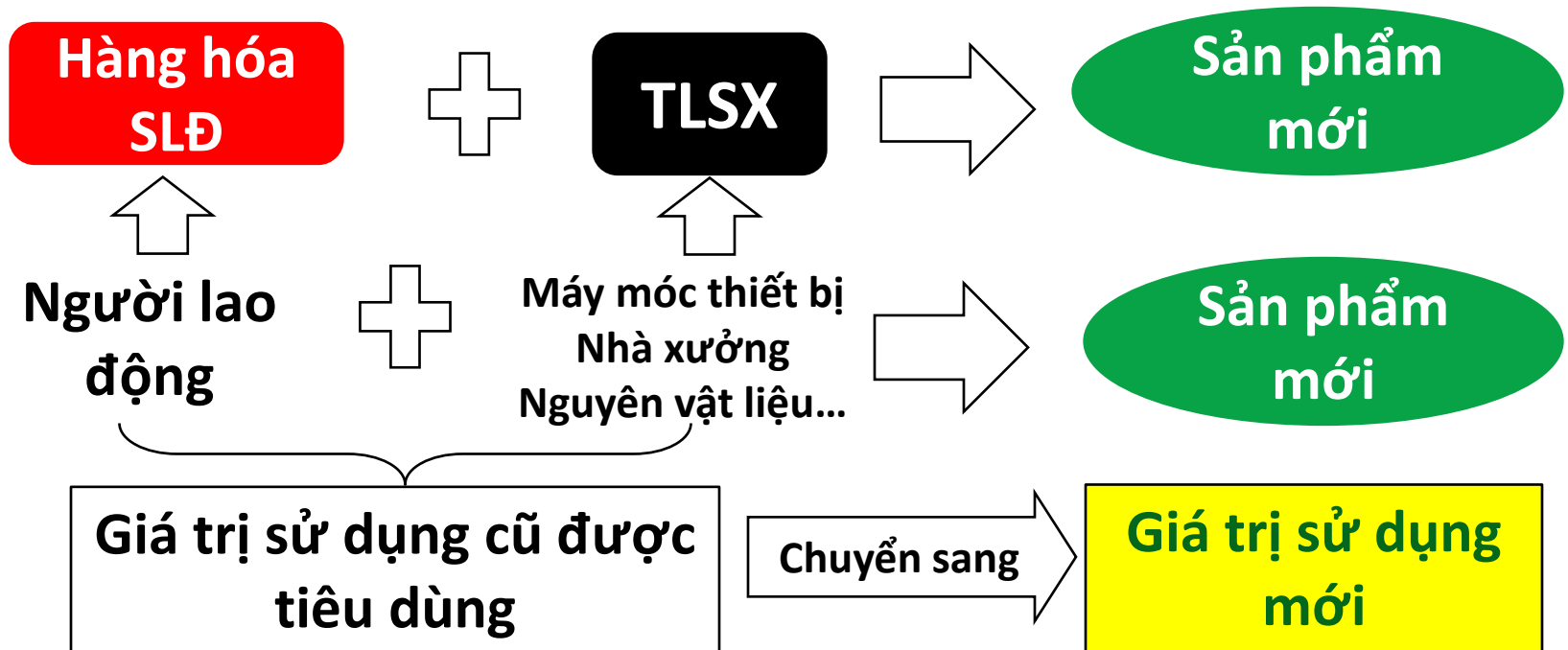


Quá trình sản xuất giá trị thặng dư là sự thống nhất của quá trình tạo ra giá trị và làm tăng giá trị.



❖ QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT HÀNG HÓA

Quá trình sản xuất: là quá trình tiêu dùng TLSX và SLĐ

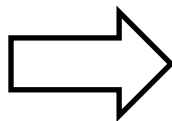




➤ Quá trình sản xuất giá trị thặng dư

Chi phí sản xuất	Chi phí sản phẩm mới (20 kg sợi)
- Tiền mua bông (20 kg): 20 USD - Tiền hao mòn máy móc: 4 USD - Tiền mua SLĐ 1 ngày (12h): 3 USD	- Giá trị của bông được chuyển vào sợi: 20 USD - Giá trị của máy móc được chuyển vào sợi: 4 USD - Giá trị mới do công nhân tạo ra trong 12h lao động: 6 USD
Tổng cộng: 27 USD	Tổng cộng: 30 USD

$$20 + 4 + 3 = 27$$

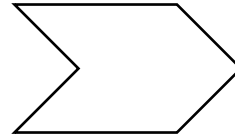


$$20 + 4 + 3 + 3 = 30$$

Giá trị thặng dư TBCN ($\Delta T \Rightarrow m$) là một bộ phận của **giá trị mới** dôi ra ngoài giá trị sức lao động do công nhân làm thuê tạo ra và thuộc về nhà tư bản.



❖ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TỪ BẢN CHỦ NGHĨA



**Giá trị sử dụng cũ được
tiêu dùng**

Chuyển sang

**Giá trị sử dụng
mới**

10 USD (SLĐ) + 80 USD (TLSX)

10usd + 80 usd + 8 USD =

98 USD

98 USD

Một phần
giá trị mới

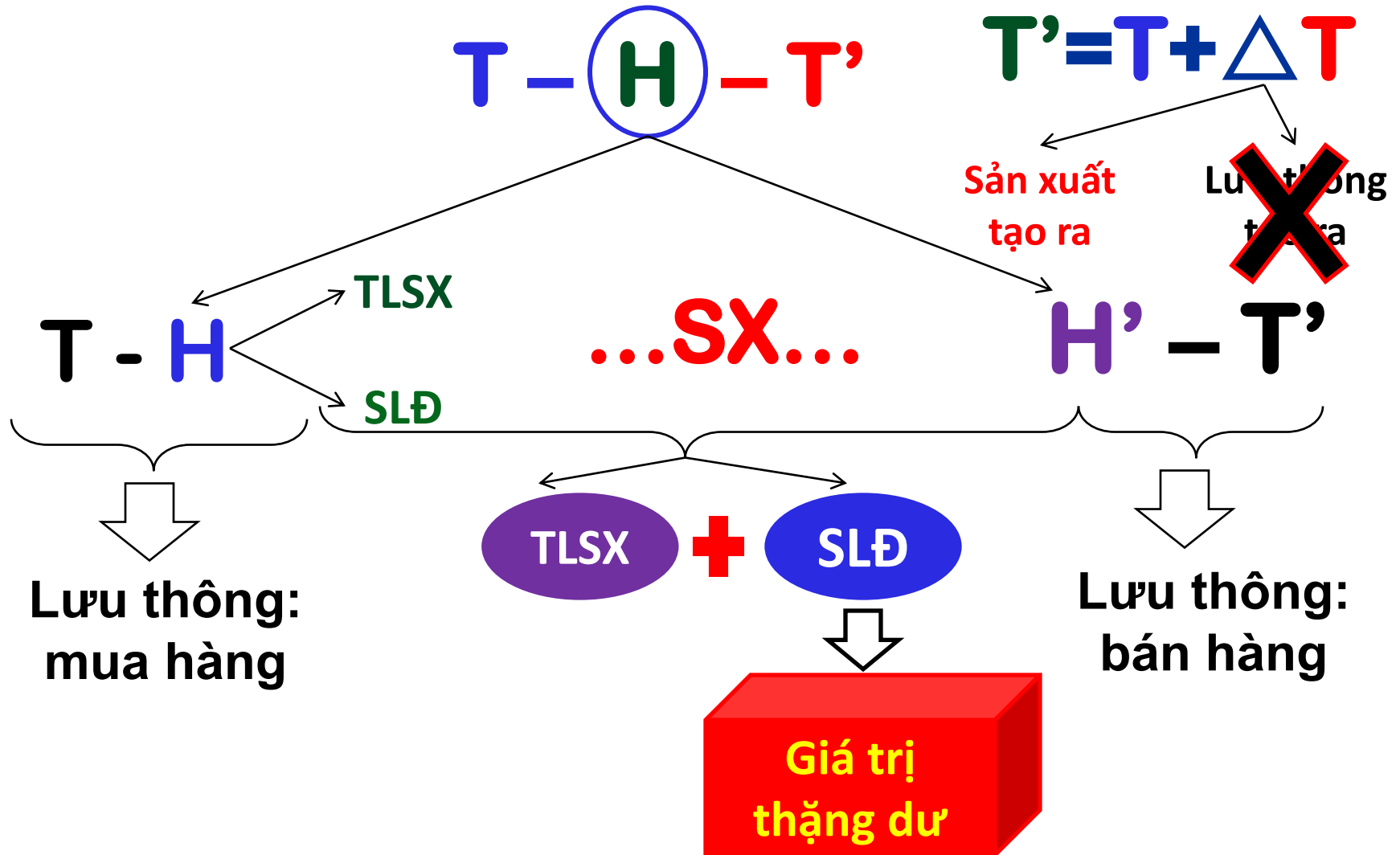
Giá trị cũ

Một phần
giá trị mới

Giá trị hàng hóa



➤ Nguồn gốc giá trị thặng dư theo K.Marx





❖ Nguồn gốc GTTD theo Karl Marx

“Toàn bộ quá trình ấy, việc chuyển hóa tiền của hần thành tư bản, diễn ra trong lĩnh vực lưu thông và cũng không diễn ra trong lĩnh vực đó. **Nhờ lưu thông** – vì quá trình đó được quyết định bởi việc mua sức lao động trên thị trường hàng hóa. **Không diễn ra trong lưu thông** – vì lưu thông chỉ chuẩn bị cho quá trình làm tăng giá trị, **nhưng việc tăng giá trị thì lại diễn ra trong quá trình sản xuất**” [4;tr252]



❖ Vai trò của Tư bản bất biến và tư bản khả biến



SLĐ (v): là nguồn gốc tạo ra giá trị thặng dư (m)

TLSX (c): tồn tại để tiêu dùng sức lao động nhằm tạo ra giá trị thặng dư...

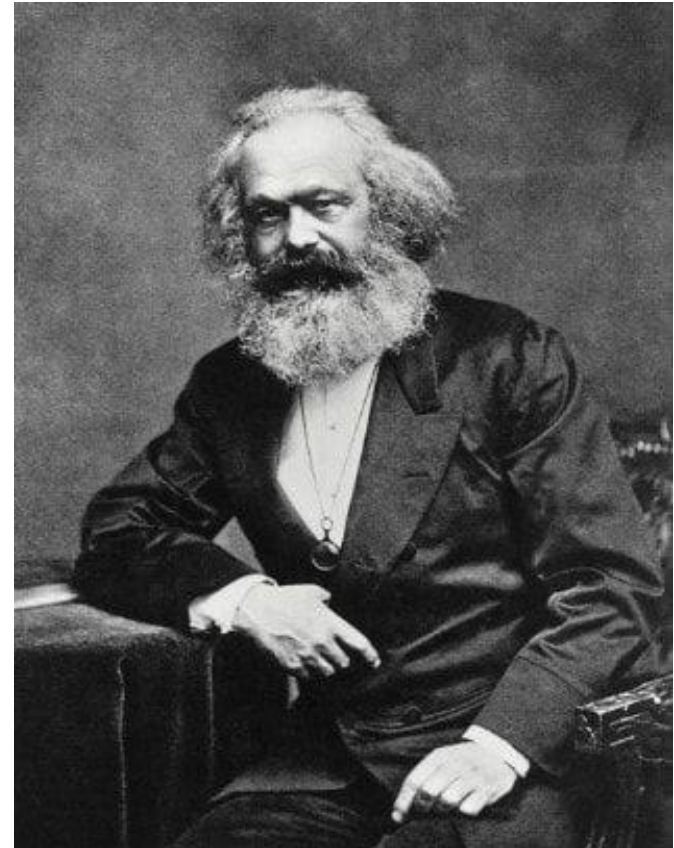
“Xét trên quan điểm của quá trình làm tăng giá trị, **tư bản bất biến, tức là những TLSX, chỉ tồn tại để thu hút lao động,** và với mỗi giọt lao động thì thu hút được một lượng giá trị thặng dư tương ứng” [4;tr327]



❖ Nguồn gốc GTTD theo Karl Marx

“TLSX không bao giờ chuyển vào sản phẩm một giá trị nhiều hơn giá trị mà nó mất đi trong quá trình lao động do giá trị sử dụng nó bị hủy hoại đi” [4;tr263].

“Bảo toàn giá trị bằng cách gắn thêm giá trị là bản tính tự nhiên của sức lao động đang hoạt động...” [4;tr266]





➤ Giá trị thặng dư TBCN

- “**Tư bản không hề phát minh ra lao động thặng dư**. Nơi nào mà một bộ phận xã hội chiếm độc quyền về những tư liệu sản xuất thì nơi đó người lao động, tự do hay không tự do, đều buộc phải thêm vào thời gian lao động cần thiết để nuôi sống bản thân mình một số thời gian lao động dôi ra dùng để sản xuất những tư liệu sinh hoạt cho người chiếm hữu tư liệu sản xuất” [4;tr300]

- Ngày lao động của công nhân chia làm 2 phần: **thời gian lao động cần thiết** và **thời gian lao động thặng dư**

**Thời gian lao động
cần thiết**

**Thời gian lao động
thặng dư**

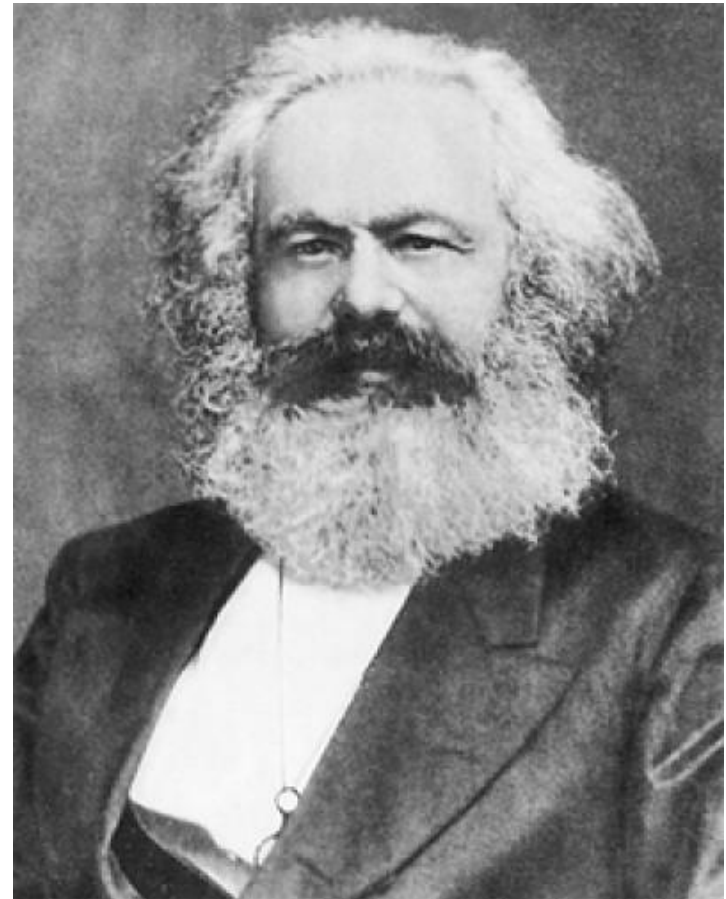
- “**Lao động thặng dư** và **lao động cần thiết** khó nhận thấy do chúng bị nhập cục vào với nhau” [4; tr302].



➤ NGUỒN GỐC GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TBCN THEO KARL MARX

❖ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TBCN DO YẾU TỐ NÀO TẠO RA?

1. Nhà tư bản?
2. Lao động làm thuê (công nhân)?
3. Máy móc?
4. Vốn?
5. Đất đai?
6. Khoa học công nghệ?
7.





❖ VẤN ĐỀ THỨ NHẤT CỦA GTTD TBCN

NGUỒN GỐC GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TBCN THEO KARL MARX

1

❖ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ ĐƯỢC TẠO RA TỪ LĨNH VỰC NÀO:

1. **Lĩnh vực sản xuất**
2. Lĩnh vực lưu thông
3. Cả hai lĩnh vực: sản xuất và lưu thông

2

❖ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ ĐƯỢC TẠO RA TỪ YẾU TỐ NÀO?

1. Nhà tư bản
2. **Công nhân (LĐ làm thuê)**
3. Máy móc thiết bị
4. Khoa học công nghệ
5. Vốn
6. Đất đai
- 7.....

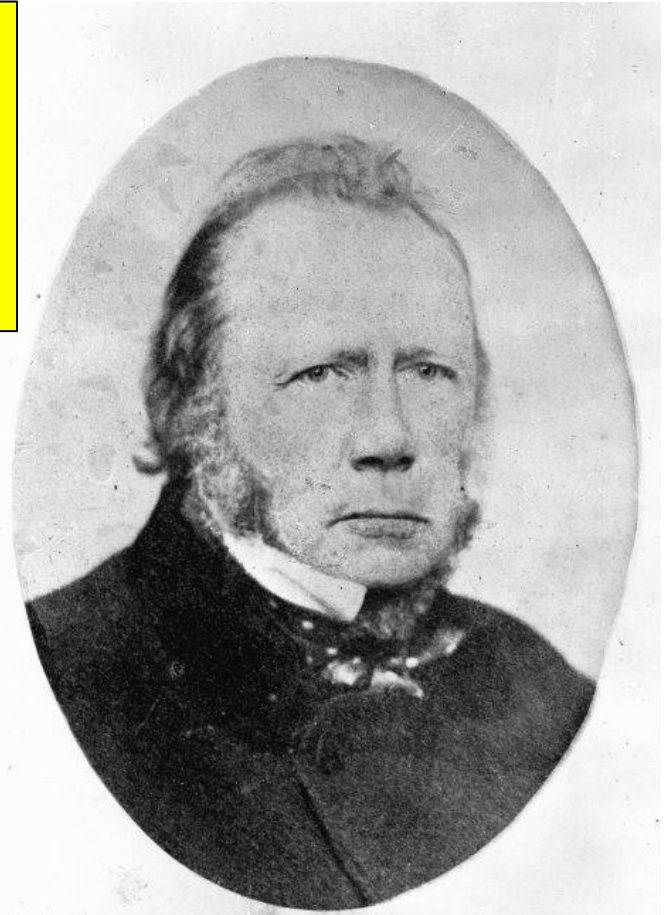


❖ Định nghĩa tư bản của Edward Gibbon Wakefield (1796 – 1862)

“Tư bản không phải một vật, mà là một quan hệ xã hội giữa người ta với nhau, một quan hệ do các vật làm trung gian” [4;tr321]

E.G.Wakefield phát hiện thấy rằng ở các thuộc địa, việc có tiền, có tư liệu sinh hoạt, có máy móc và các tư liệu sản xuất khác còn chưa làm cho một người trở thành nhà tư bản, nếu như còn thiếu một vật bổ sung là người công nhân làm thuê, tức là một người khác, một người bị buộc phải tự nguyện bán bản thân mình.

E.G.Wakefield “England and America”, 1833.



E.G. Wakefield (1796 – 1862)



❖ Thế nào là nhà tư bản

Công thức chung
của tư bản

$$T - H - T' \quad (T' = T + \Delta T)$$

Về chất: Tư bản là sự vận động **của giá trị** nhằm mang lại giá trị thặng dư

Về lượng: quy mô tư bản là bao nhiêu để trở thành nhà tư bản???





1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư

➤ Tư bản bất biến và tư bản khả biến

“Bộ phận tư bản biến thành TLSX, tức là thành nguyên liệu, vật liệu phụ và tư liệu lao động **không thay đổi đại lượng giá trị của nó...gọi là tư bản bất biến**” [4;tr269] ký hiệu (c)

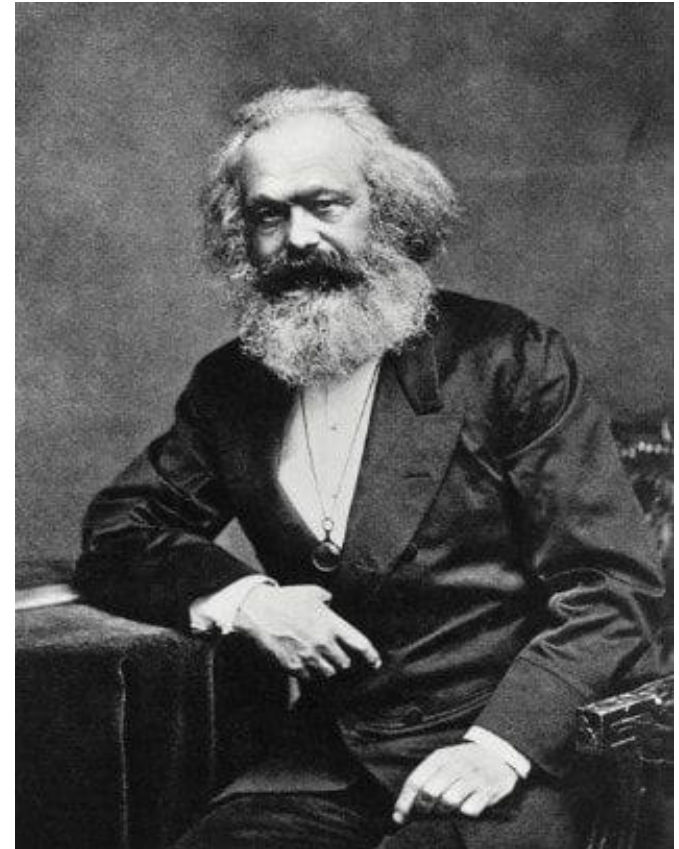


Tư bản bất biến tuy **không thay đổi về giá trị** nhưng lại **thay đổi về giá trị sử dụng**. Giá trị sử dụng cũ biến đi để rồi lại xuất hiện dưới một hình thái giá trị sử dụng mới



➤ Tư bản bất biến và tư bản khả biến

Bộ phận tư bản biến thành **sức lao động** lại thay đổi giá trị của nó trong quá trình sản xuất. Nó tái sản xuất ra vật ngang giá với bản thân nó, và ngoài ra còn sản xuất ra một số dư, tức là giá trị thặng dư...gọi là tư bản khả biến (v)



K. Marx (1818 -1883)



1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư

➤ Tiền công

Nhà tư bản thuê công nhân trả cho một số tiền nhất định gọi là **tiền công**.

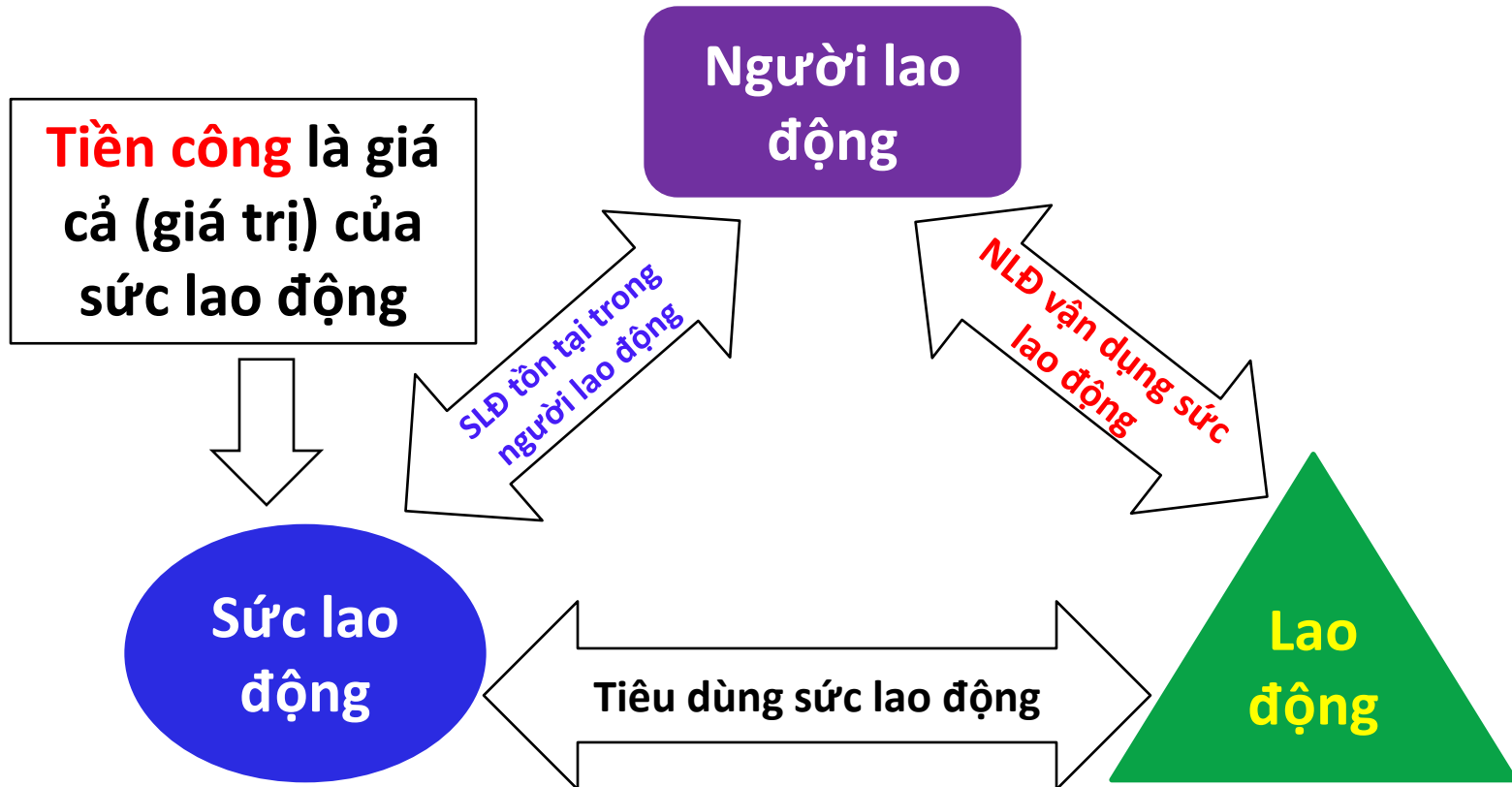
Tiền công này không phải là giá trị hay giá cả của lao động



Lao động không phải là hàng hóa, cái mà người công nhân bán cho nhà tư bản đó chính là sức lao động.

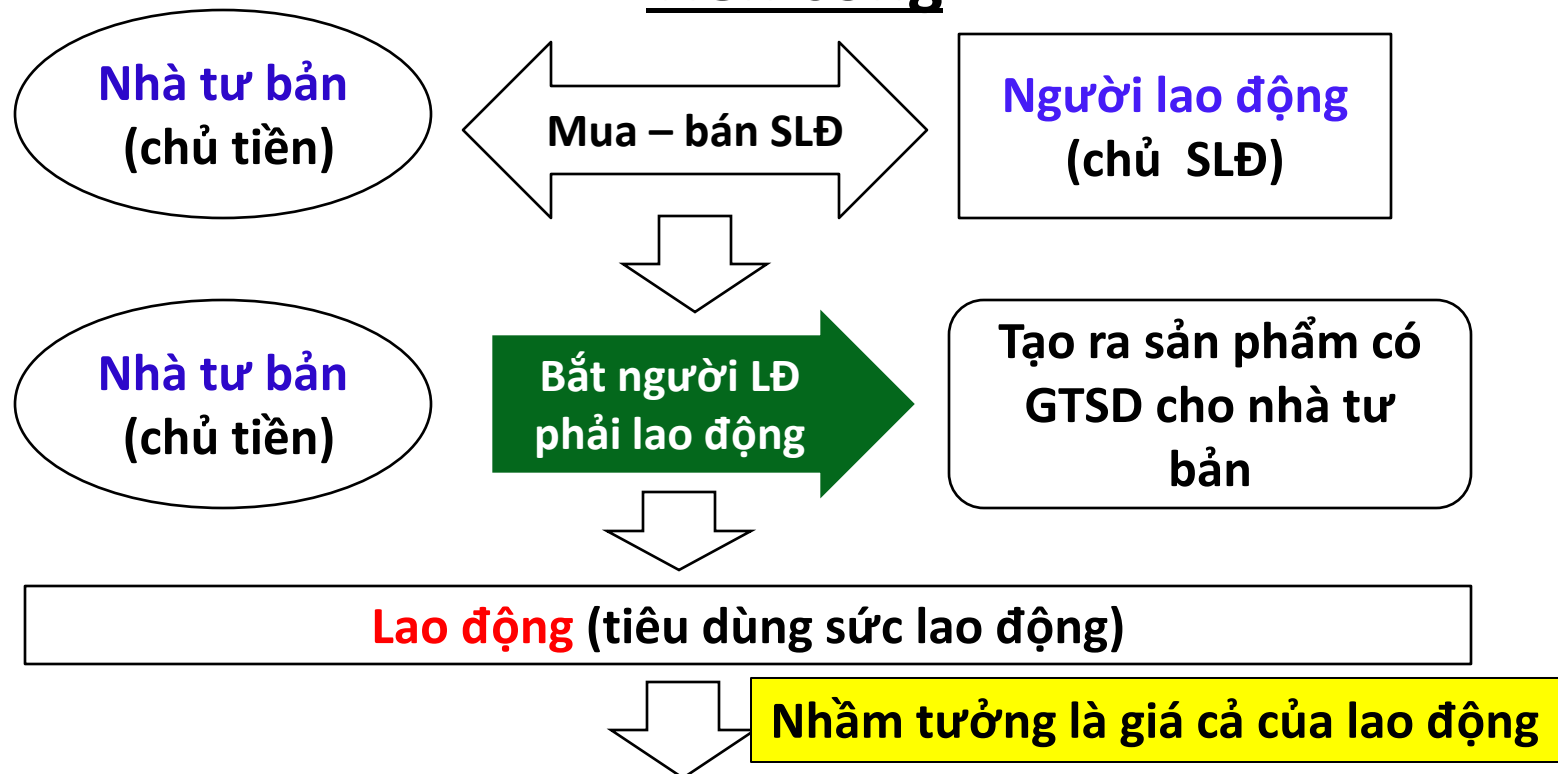


➤ Tiền công





➤ Tiền công



“Tiền công xóa bỏ mọi vết tích phân chia ngày lao động thành lao động cần thiết và lao động thặng dư, thành lao động được trả công và lao động không công. **Toàn bộ lao động thể hiện ra như là lao động được trả công**” [5;tr45]



➤ Tiền công

- Tiền công danh nghĩa và tiền công thực tế



Tiền công danh nghĩa: là số tiền nhà tư bản trả cho người lao động. Số tiền này nhiều hay ít phụ thuộc vào trình độ, kinh nghiệm...làm việc

Tiền công thực tế: là số tiền công được biểu hiện bằng số lượng hàng hóa và các dịch vụ mà người lao động mua được bằng tiền công danh nghĩa





➤ Tiền công

- **Tiền công theo thời gian:** là hình thức mà số lượng của nó nhiều hay ít tùy theo thời gian lao động làm việc dài hay ngắn



- **Tiền công theo sản phẩm:** là hình thức mà số lượng của nó phụ thuộc vào số lượng sản phẩm được làm ra



Bộ phận lao động hành chính, văn phòng, bảo vệ, lao công...

Thích hợp cho

Bộ phận sản xuất



1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư

➤ Tuần hoàn của tư bản

Tuần hoàn tư bản là sự vận động của tư bản trải qua ba giai đoạn, lần lượt mang ba hình thái khác nhau, thực hiện 3 chức năng khác nhau rồi quay lại với hình thái ban đầu có kèm theo giá trị thặng dư.

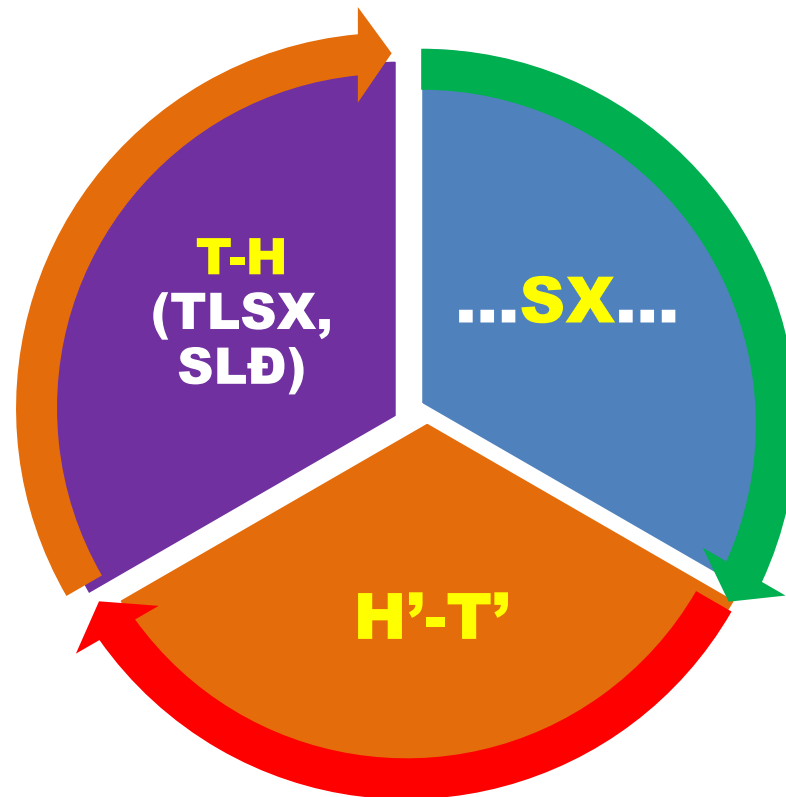




1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư

➤ Chu chuyển của tư bản

Chu chuyển tư bản: là quá trình tuần hoàn tư bản lặp đi lặp lại không ngừng



Thời gian chu chuyển = thời gian sản xuất + thời gian lưu thông



➤ Chu chuyển của tư bản

- **Tốc độ chu chuyển:** là số vòng (lần) chu chuyển tư bản trong 1 năm.

$$n = \frac{CH}{ch}$$

n: số vòng chu chuyển

CH: thời gian trong năm

Ch: thời gian cho 1 vòng chu chuyển

VD: 1 tư bản có thời gian 1 vòng chu chuyển là 3 tháng thì tốc độ chu chuyển trong năm là:

$$n = \frac{12 \text{ tháng}}{3 \text{ tháng}} = 4 \text{ vòng}$$



➤ Tư bản cố định và tư bản lưu động

- Tư bản cố định

Tư bản cố định: là bộ phận tư bản **tồn tại dưới dạng máy móc, thiết bị, nhà xưởng...** về hiện vật tham gia toàn bộ vào quá trình sản xuất nhưng giá trị của nó bị khấu hao từng phần và được chuyển dần vào sản phẩm mới được sản xuất ra





- Tư bản cố định

- Tư bản cố định bị hai mòn hữu hình và hao mòn vô hình



Mec E 280 (2005- 2008): giá mới: 127.000 USD

Hao mòn vô hình



Mec E 280 (2005-2008)
Giá 2018: 70.000 USD

Hao mòn vô hình + hữu hình



Mec E 280 (2005-2008)
Giá 2018: 20.000 USD



➤ Tư bản cố định và tư bản lưu động

- Tư bản lưu động

Tư bản lưu động: là bộ phận tư bản sản xuất tồn tại dưới dạng **nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu phụ, sức lao động...** giá trị của nó được chuyển toàn bộ vào sản phẩm mới





Tư bản là tiền (T), Tư bản là hàng hóa (H)

T – (H) – T'

Tư bản bất biến ($c=c1+c2$)

Tư bản khả biến (v)

**Tư bản cố định
(c1)**



**Tư bản lưu động
(c2 + v)**





1. LÝ LUẬN CỦA KARL MARX VỀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ

1.2. Bản chất của giá trị thặng dư TBCN

Bản chất của GTTD TBCN

phản ánh quan hệ kinh tế - xã hội mà trong đó giai cấp tư sản chiếm đoạt giá trị thặng dư do giai cấp công nhân tạo ra





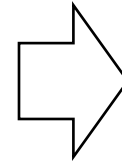
❖ Thế nào là bóc lột sức lao động?

Nhà tư bản mua hàng hóa sức lao động theo đúng giá trị.

Sử dụng hàng hóa sức lao động tạo ra giá trị mới lớn hơn giá trị bản thân nó
là may mắn cho người mua chứ không bắt công gì cho người bán.



Mua bán hàng hóa SLĐ



Bóc lột sức lao động công nhân?



1.2. Bản chất của giá trị thặng dư TBCN

➤ Tỷ suất và khối lượng giá trị thặng dư

- **Tỷ suất giá trị thặng dư**: là tỷ số tính theo % giữa giá trị thặng dư và tư bản khả biến tương ứng để sản xuất ra giá trị thặng dư đó.
(ký hiệu m'):

$$m' = \frac{m}{v} \times 100\%$$

$$m' = \frac{\text{Thời gian lao động thặng dư}}{\text{Thời gian lao động cần thiết}} \times 100\%$$

“Vậy tỷ suất giá trị thặng dư là biểu hiện chính xác của mức độ tư bản bóc lột sức lao động, hay mức độ nhà tư bản bóc lột người công nhân” [4;tr279]



1.2. Bản chất của giá trị thặng dư

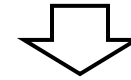
➤ Tỷ suất và khối lượng giá trị thặng dư

-**Khối lượng giá trị thặng dư**: là tích số giữa giá trị thặng dư và tổng tư bản khả biến đã được sử dụng, ký hiệu là (M).

v: **tư bản khả biến cho 1 giá trị SLĐ**

V: **tổng tư bản khả biến.**

$$M = \frac{m}{v} \times V$$



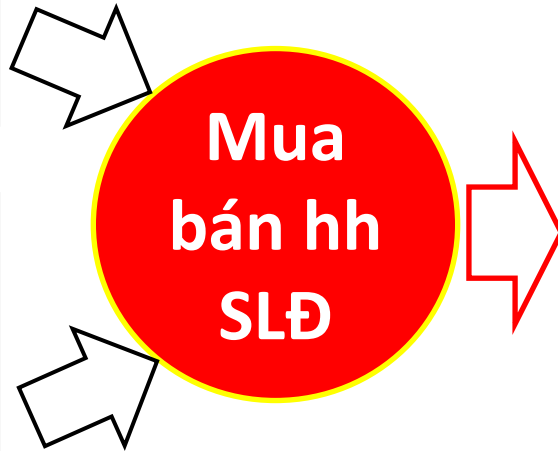
$$M = m' \times V$$



❖ Bóc lột sức lao động

Nhà tư bản mua hàng hóa sức lao động theo đúng giá trị.

Sử dụng hàng hóa sức lao động tạo ra giá trị mới lớn hơn giá trị bản thân nó **là may mắn cho người mua chứ không bắt công gì cho người bán.**



Điều kiện làm việc **hợp pháp** đến giữa thế kỷ XIX

- Ngày lao động đến 15h, 12h, 10h...
- Trẻ em 9 tuổi đã vào công xưởng làm việc.
- Tiền công rẻ mạt.
- Điều kiện sống tồi tàn
-

Bóc lột sức lao động



1. LÝ LUẬN CỦA KARL MARX VỀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ

1.3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư.

- **Sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối:** là phương pháp được thực hiện trên cơ sở kéo dài tuyệt đối ngày lao động của công nhân trong điều kiện thời gian lao động cần thiết không đổi.

6h lao động cần thiết

6h lao động thặng dư

$$m' = \frac{\text{Thời gian lao động thặng dư}}{\text{Thời gian lao động cần thiết}} = \frac{6h}{6h} = 100\%$$

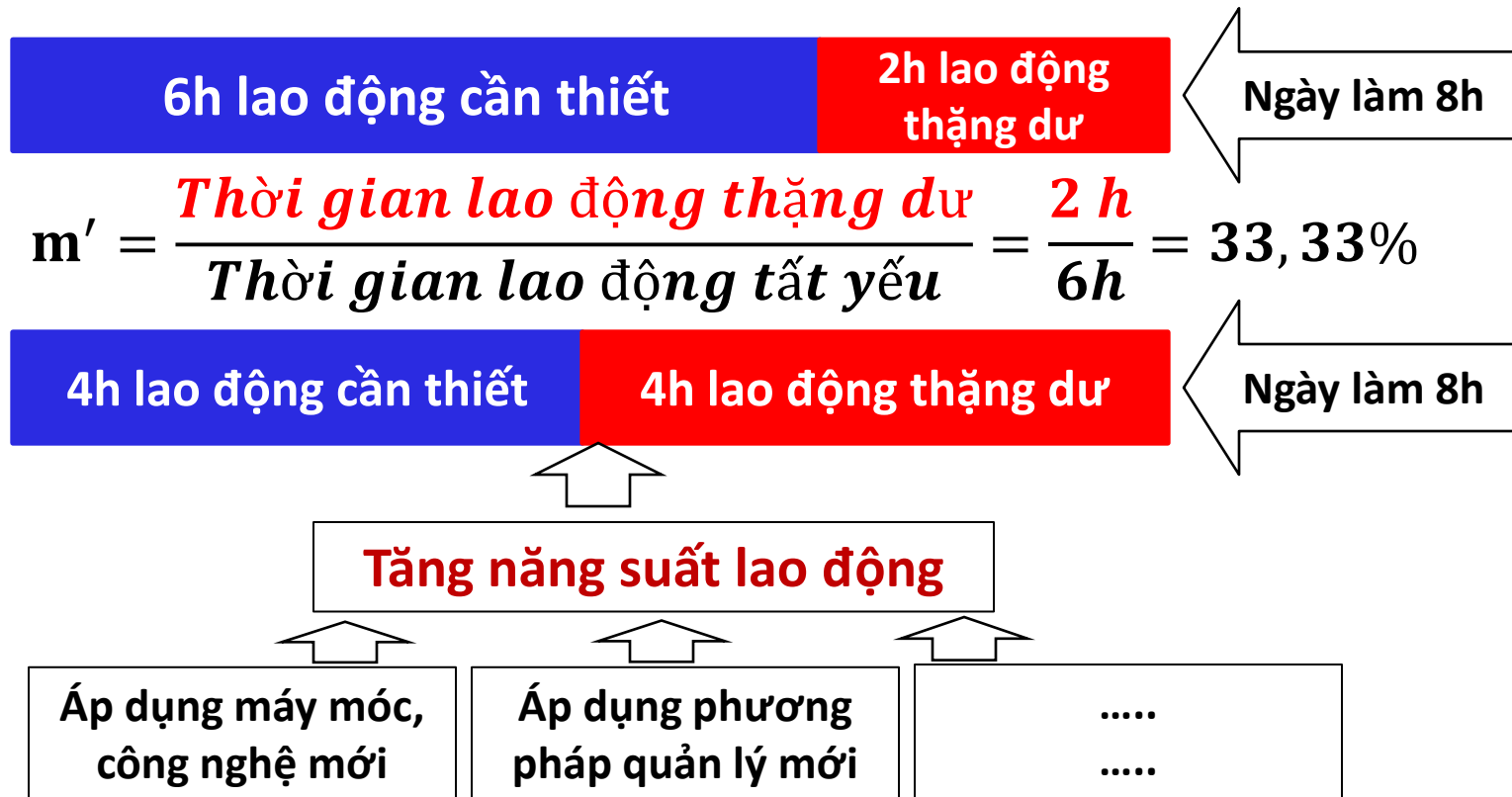
Thời gian lao động nước Anh (Luật công xưởng):

- **Năm 1833:** 15h/ngày (5h30 – 20h30) đối với người trưởng thành và 12h đối với thiếu niên từ 13-18 tuổi.
- **Từ 1844-1847:** ngày lao động 12h.
- **Từ 1/7/1847:** 11h đối với thiếu niên (13-18 tuổi) và nữ công nhân và còn 10h từ 01/1848.
- **Năm 1886:** 8h lao động/ngày (Mỹ)



1.3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư

- **Sản xuất giá trị thặng dư tương đối:** được thực hiện bằng cách rút ngắn thời gian lao động cần thiết lại để kéo dài một cách tương ứng thời gian lao động thặng dư trên cơ sở **tăng năng suất lao động xã hội** trong điều kiện độ dài ngày không đổi.





❖ Máy móc có tạo ra giá trị thặng dư hay không?

Máy móc – tư liệu lao động đặc trưng cho thời đại công nghiệp, làm tăng sức sản xuất so với công trường thủ công.

“Cũng như mọi bộ phận cấu thành khác của tư bản bất biến, máy móc không tạo ra giá trị nào cả, nhưng nó chuyển giá trị bản thân nó vào sản phẩm mà nó được dùng để chế tạo ra” [4;tr490]

Máy móc biến một bộ phận tư bản trước kia là khả biến thành máy móc, tức thành tư bản bất biến. Sử dụng máy móc vào sản xuất là phương pháp hữu hiệu nhất để rút ngắn thời gian lao động cần thiết, kéo dài thời gian lao động thặng dư.





1.3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư

- **Giá trị thặng dư siêu ngạch**: là phần giá trị thặng dư thu được do **tăng năng suất lao động cá biệt**, làm cho giá trị cá biệt của hàng hóa thấp hơn giá trị thị trường của nó

Mắc gọi giá trị thặng dư siêu ngạch **là hình thức biến tướng của giá trị thặng dư tương đối**, cùng dựa trên cơ sở tăng năng suất lao động, tuy nhiên có một số điểm đặc biệt:

Giá trị thặng dư siêu ngạch	Giá trị thặng dư tương đối
- Do tăng năng suất lao động cá biệt, khai phá 1 ngành kinh doanh mới	- Do tăng năng suất lao động xã hội
- Nhà tư bản cá biệt thu được	- Toàn bộ giai cấp tư bản thu được
- Quan hệ nhà tư bản với công nhân	- Quan hệ giai cấp tư bản với giai cấp công nhân



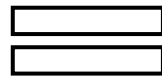
GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

2. TÍCH LŨY TƯ BẢN

2.1. Bản chất của tích lũy tư bản.



**Giá trị thặng dư
thu được**



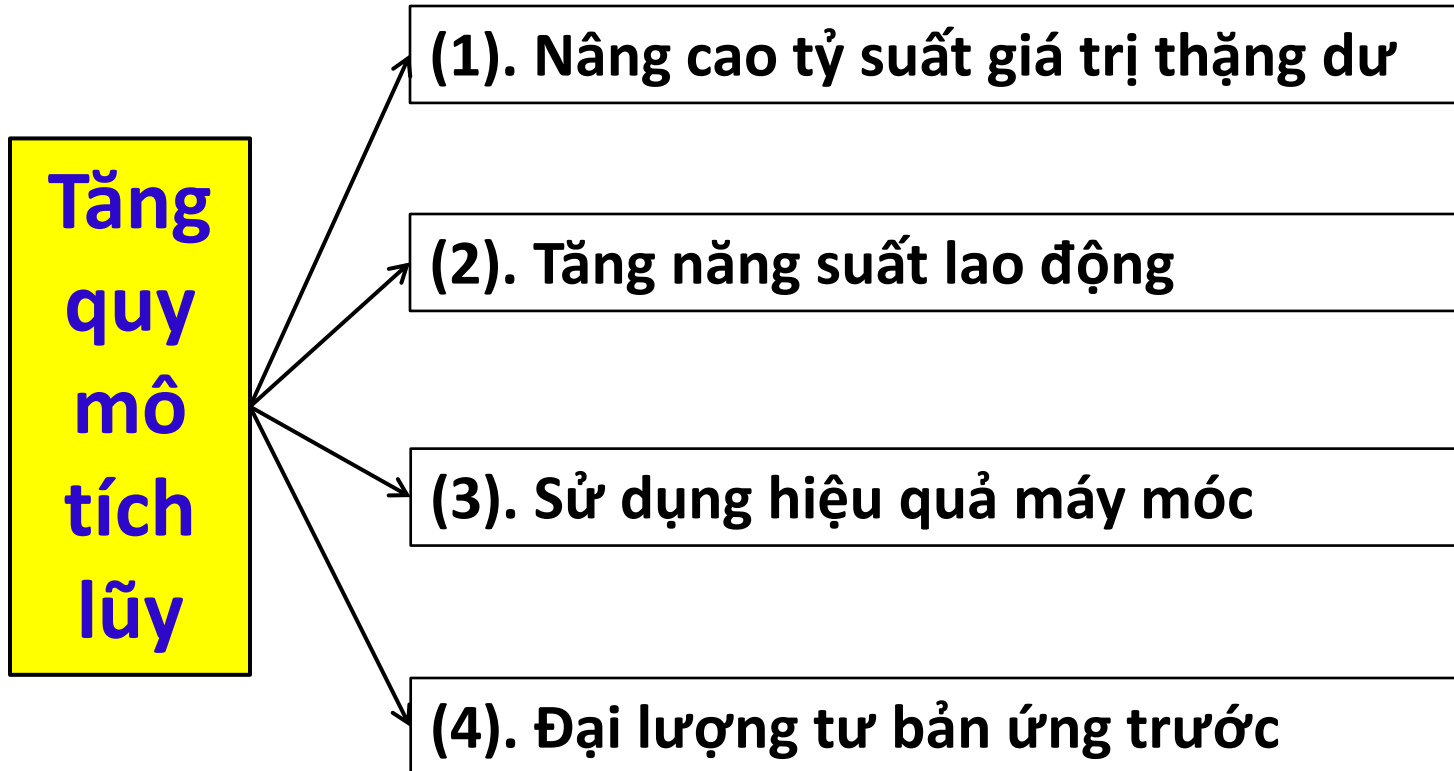
**Phần tích lũy để tái SX
mở rộng**

Thực chất của tích lũy tư bản là **sự chuyển hóa 1 phần giá trị thặng dư thành tư bản** (tư bản phụ thêm) – hay **tư bản đẻ ra tư bản**.



2. TÍCH LŨY TƯ BẢN

2.2. Những nhân tố góp phần làm tăng quy mô tích lũy





2. TÍCH LŨY TƯ BẢN

2.3. Một số hệ quả của tích lũy tư bản

HỆ QUẢ CỦA TÍCH LŨY

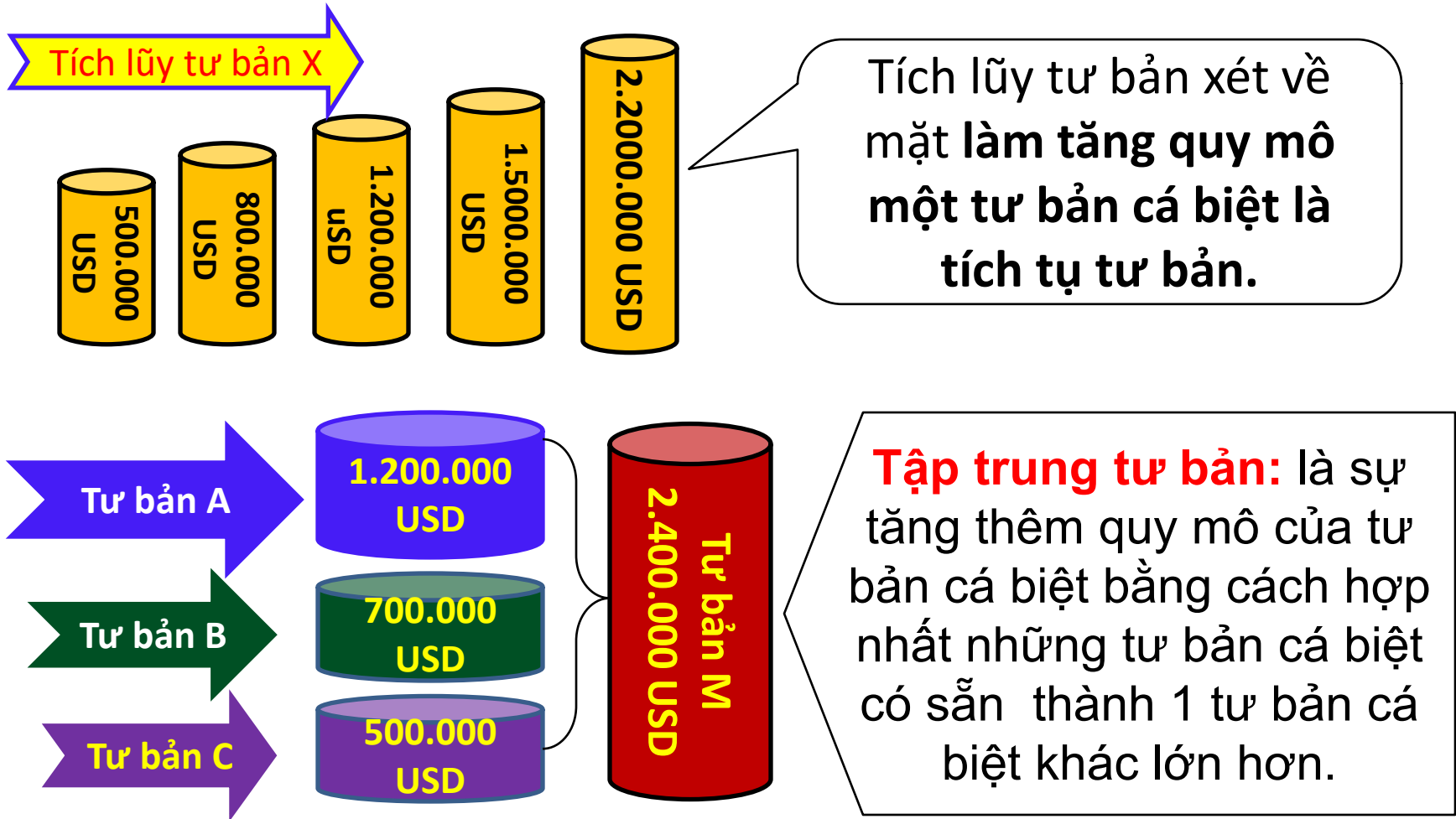
**(1). Làm tăng
cấu tạo hữu cơ
của tư bản**

**(2). Làm tăng
tích tụ và tập
trung**

**(3). Làm tăng chênh lệch
thu nhập của nhà tư bản
với người lao động**



❖ Tích tụ và tập trung tư bản





❖ So sánh tích tụ tư bản và tập trung tư bản

Tích tụ tư bản

Tập trung tư bản

➤ **Làm tăng quy mô của tư bản**

- **Làm tăng quy mô của tư bản cá biệt đồng thời làm tăng quy mô tư bản xã hội**

- **Thông qua quá trình tái sản xuất, kinh doanh mở rộng**

- **Tư bản lớn lên chậm**

- **Chỉ làm tăng quy mô của tư bản cá biệt** (thay đổi sự sắp xếp về lượng của các bộ phận cấu thành tư bản xã hội).

- **Thông qua cạnh tranh, thông qua góp vốn, sáp nhập...**

- **Tư bản lớn nhanh**

- **Phục vụ mục đích ra đời các ngành cần có lượng tư bản lớn hoặc các công ty cổ phần.**

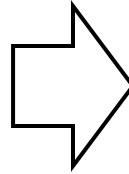


❖ Cấu tạo hữu cơ của tư bản

Cấu tạo kỹ thuật (H)	Cấu tạo giá trị (T)	Cấu tạo hữu cơ
$\frac{C}{V}$	$\frac{C}{V}$	$\frac{C}{V}$
Tỷ lệ được tính bằng số lượng nhân công đảm nhận khối lượng máy móc	Tỷ lệ được tính bằng tiền (tiền mua TLSX và tiền trả lương cho nhân công)	Là cấu tạo giá trị do cấu tạo kỹ thuật quyết định và phản ánh sự thay đổi của cấu tạo kỹ thuật

Cấu tạo hữu cơ của tư bản là cấu tạo giá trị của tư bản, do cấu tạo kỹ thuật quyết định và phản ánh sự thay đổi của cấu tạo kỹ thuật của tư bản

❖ Cấu tạo hữu cơ của tư bản





❖ VẤN ĐỀ THỨ HAI CỦA GTTD TBCN

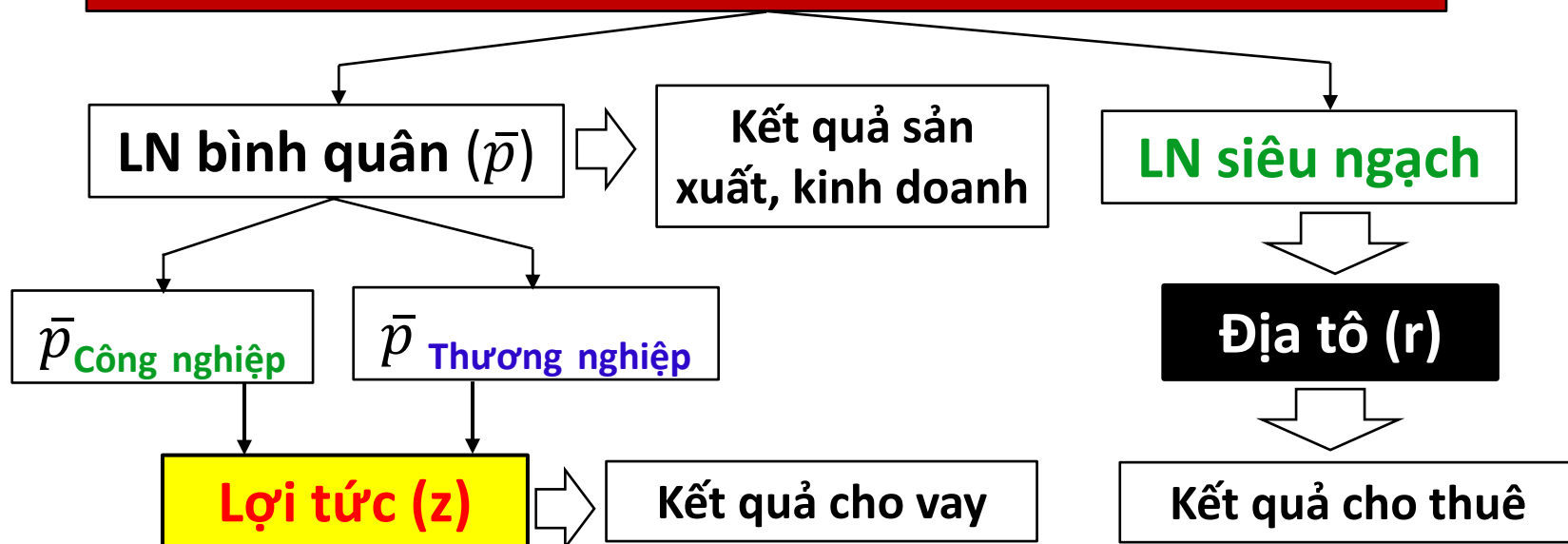
CÁC HÌNH THỨC BIỂU HIỆN GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TBCN
THEO KARL MARX.

$$G = c + v + m$$

Lao động cần thiết



Lao động thặng dư = giá trị thặng dư (m) = Lợi nhuận (p)



Thu nhập xí nghiệp = lợi nhuận – lợi tức



GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

3.1. Lợi nhuận

➤ **Chi phí sản xuất TBCN:** là chi phí mà nhà tư bản bỏ ra để sản xuất hàng hóa

Chi phí sản xuất TBCN (k)

$$k = c + v$$

$$G = c + v + m \Rightarrow G = k + m$$

Chi phí thực tế xã hội

$$G = c + v + m$$

Lợi nhuận (p): là số tiền lời mà nhà tư bản thu được sau khi bán hàng hóa do có sự chênh lệch giữa giá trị hàng hóa và chi phí tư bản

$$G = c + v + m$$



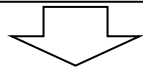
$$G = k + p$$



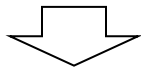
GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

Chi phí sản xuất TBCN (k)

Nhà tư bản (không trực tiếp sản xuất)



$$k = c + v$$



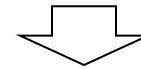
m



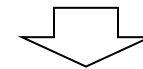
m do K sinh ra

Chi phí thực tế xã hội

Người trực tiếp SX



$$G = c + v + m$$



m do v sinh ra, v là sức lao động trực tiếp của người sản xuất



➤ Lợi nhuận

“Việc xem xét khả năng sinh của số vốn riêng của mình là động cơ duy nhất chi phối người chủ sở hữu nên đầu tư và nông nghiệp, công nghiệp hoặc một ngành bán buôn hay bán lẻ. **Các chủ sở hữu vốn ít khi nghĩ đến xem số vốn của họ thuê mướn được bao nhiêu nhân công dùng trong sản xuất và số vốn đó làm tăng thêm được bao nhiêu giá trị cho sản phẩm hằng năm của đất nước**”
[2; trang 389]



Adam Smith
(1723 – 1790)



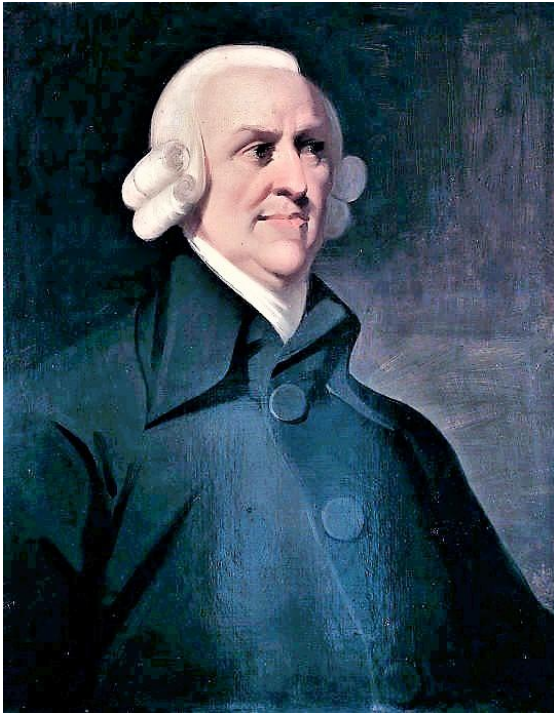
➤ Bản chất lợi nhuận

✓ So sánh giữa m và p:

- **Về lượng:** p và m thường không bằng nhau do cung cầu quyết định. Nhưng xét phạm vi toàn xã hội thì **tổng m = tổng p**
- **Về chất:** **p và m là một**, đều **có chung nguồn gốc là kết quả của lao động**. p chẳng qua là hình thái thần bí của m. P phản ánh sai lệch bản chất QHSX TBCN vì nó làm ta tưởng rằng m không phải do v tạo ra mà do (c+v) tạo ra.



Bản chất lợi nhuận



Adam Smith
(1723 – 1790)

“Lợi nhuận rất hay biến động đến nỗi người tiến hành một nghề kinh doanh cũng **không thể tự mình nói rõ được số lợi nhuận trung bình hằng năm là bao nhiêu**. Số lợi nhuận không những bị chi phối bởi biến động giá cả hàng hóa, mà còn bởi sự may rủi của những người cạnh tranh của khách hàng, đó là chưa kể tới những rủi ro, tai nạn khi hàng hóa phải gửi theo tàu hoặc xe cộ, và ngay cả khi còn dự trữ trong kho. Do đó, lợi nhuận biến động từng năm, từng ngày và từng giờ nữa...” [2; tr115]



3.1. Lợi nhuận

➤ **Tỷ suất lợi nhuận (p'):** là tỷ lệ % giữa giá trị thặng dư và toàn bộ tư bản ứng trước

$$p' = \frac{m}{c + v} \times 100\%$$

- So sánh giữa m' và p'

▪ Về lượng: $p' < m'$

$$p' = \frac{m}{c+v} \times 100\% \text{ còn } m' = \frac{m}{v} \times 100\%$$

▪ Về chất: m' phản ánh trình độ bóc lột của nhà tư bản, còn p' nói lên mức doanh lợi của việc đầu tư.



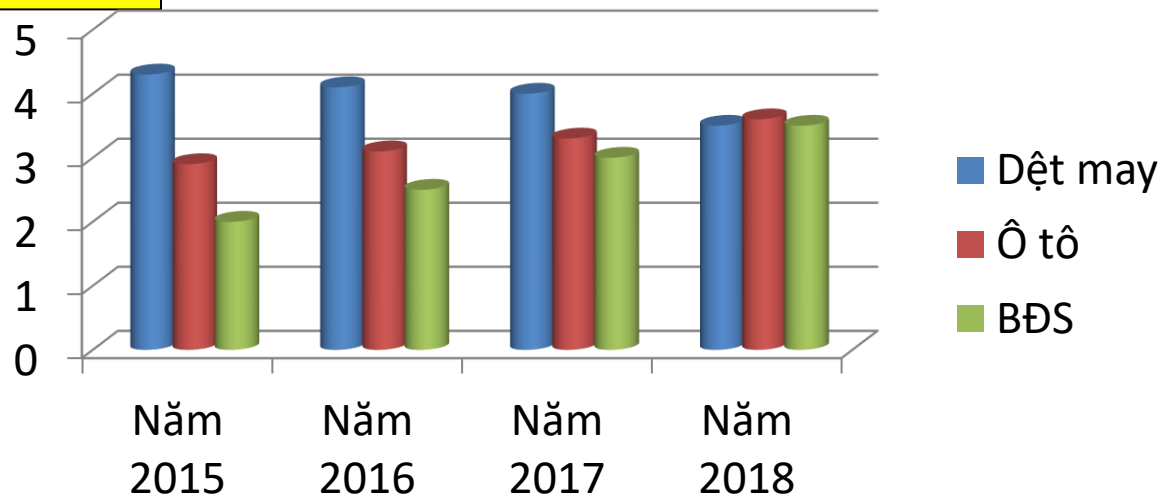
3.1. Lợi nhuận

➤ Các nhân tố ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận

- Tỷ suất giá trị thặng dư
- Cấu tạo hữu cơ của tư bản** ($\frac{c}{v}$)
- Tốc độ chu chuyển của tư bản.
- Tiết kiệm tư bản bất biến (c)

➤ Lợi nhuận bình quân

- Kết quả của cạnh tranh giữa các ngành là hình thành tỷ suất lợi nhuận bình quân





➤ Lợi nhuận bình quân

Tỷ suất lợi nhuận bình quân là tỷ số tính theo phần trăm giữa tổng giá trị thặng dư và tổng số tư bản xã hội đã đầu tư vào các ngành của nền sản xuất TBCN, ký hiệu là $\bar{p}'$.



$$\bar{p}' = \frac{\sum m}{\sum (c+v)} \times 100 (\%)$$



➤ Lợi nhuận bình quân

- **Lợi nhuận bình quân** là số lợi nhuận bằng nhau của những tư bản bằng nhau, đầu tư vào những ngành khác nhau, bất kể cấu tạo hữu cơ của tư bản thế nào, ký hiệu là $\bar{p}$

$$\bar{p} = \bar{p}' \times k$$

- Cùng với sự hình thành tỷ suất lợi nhuận bình quân và lợi nhuận bình quân thì **giá trị hàng hóa chuyển thành giá cả sản xuất**

$$\text{Giá cả sản xuất} = k + \bar{p}$$



3.1. Lợi nhuận

➤ Lợi nhuận thương nghiệp

Lợi nhuận thương nghiệp là **1 phần giá trị thặng dư được sáng tạo ra trong lĩnh vực sản xuất** và do tư bản công nghiệp nhượng lại cho tư bản thương nghiệp để tư bản thương nghiệp thực hiện chức năng lưu thông.



p được tạo ra



p TB công nghiệp



p TB thương nghiệp



3. CÁC HÌNH THỨC BIỂU HIỆN CỦA GIÁ TRỊ THẶNG DƯ

3.2. LỢI TỨC

Tư bản cho vay là tư bản tiền tệ mà người chủ sở hữu nó cho người khác sử dụng trong một thời gian nhằm nhận được số tiền lãi nhất định. Số tiền đó gọi là lợi tức. Ký hiệu: z



Tư bản cho vay vận động theo công thức: $T - T'$,
trong đó $T' = T + z$ ($T - T - H - T'' - T'$)



3.2. LỢI TỨC

Lợi tức (z) chính là một phần của lợi nhuận bình quân mà nhà tư bản đi vay phải trả cho nhà tư bản cho vay căn cứ vào lượng tư bản tiền tệ mà nhà tư bản cho vay đã bỏ ra cho nhà tư bản cho vay sử dụng

$$0 < z < \bar{p}$$

Tỷ suất lợi tức: là tỷ lệ % giữa tổng số lợi tức và số tư bản tiền tệ cho vay (tính theo tháng, quý, năm...), ký hiệu là z'

$$z' = \frac{z}{\text{Tổng tư bản cho vay}} \times 100 (\%)$$



3.2. LỢI TỨC

Đặc điểm tư bản cho vay

**Quyền sử dụng
tách quyền sở hữu**

**Là hình thái được
sùng bái nhất**

**Sau khi sử dụng, giá
trị được bảo tồn và
tăng lên**



3. CÁC HÌNH THỨC BIỂU HIỆN CỦA GIÁ TRỊ THẶNG DƯ

3.3. Địa tô tư bản chủ nghĩa

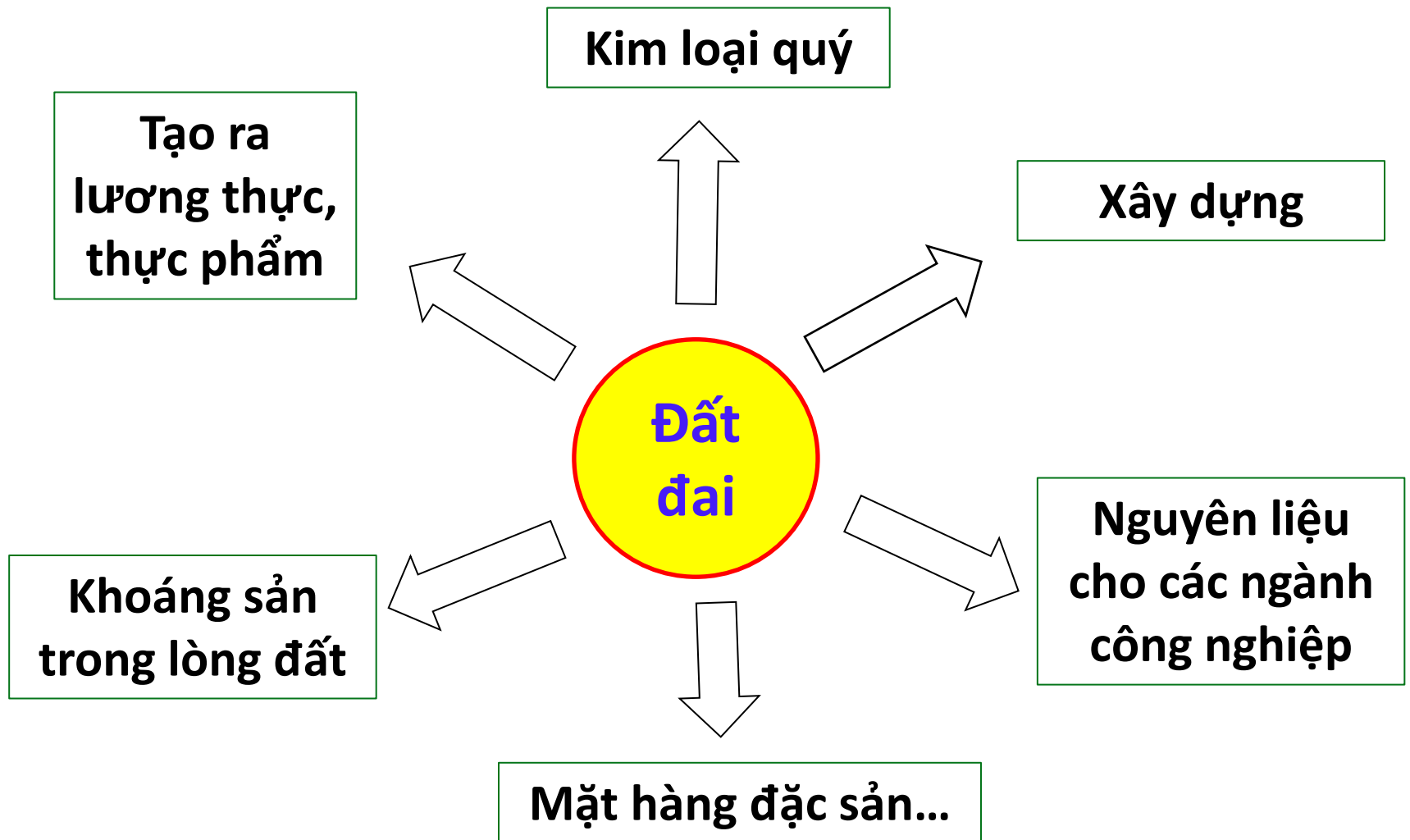
- Quan hệ sản xuất TBCN trong nông nghiệp



Địa tô TBCN = Tiền thuê đất, hàm mỏ... của nhà TB kinh doanh nông nghiệp phải trả cho địa chủ

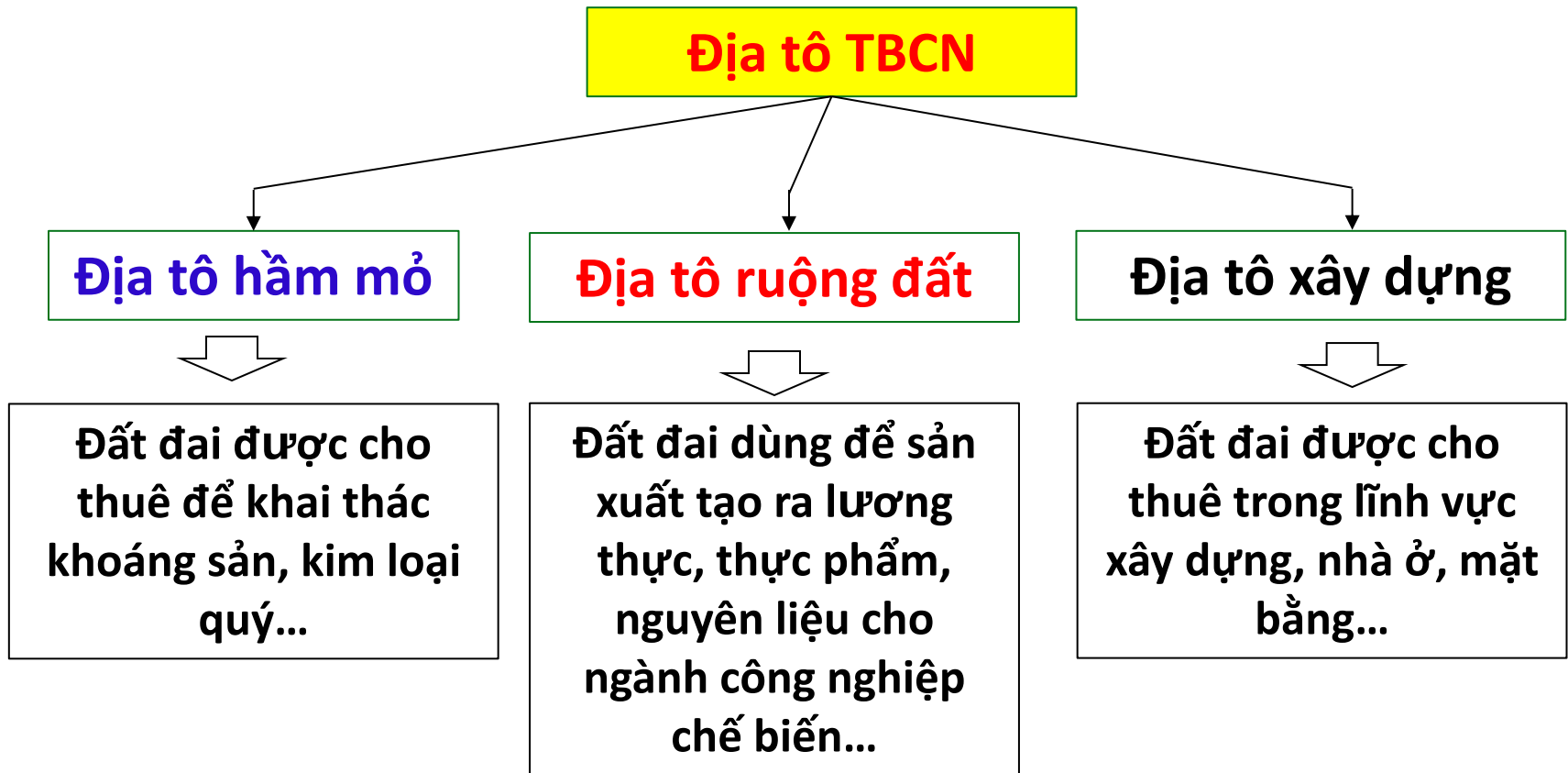


3.3. Địa tô tư bản chủ nghĩa





3.3. Địa tô tư bản chủ nghĩa





3.3. Địa tô ruộng đất



- **Địa tô tuyệt đối (r):** là địa tô mà nhà tư bản kinh doanh nông nghiệp phải trả cho địa chủ. Cơ sở của địa tô tuyệt đối là chế độ tư hữu độc quyền ruộng đất.

Chế độ tư hữu độc quyền ruộng đất làm cho giá cả nông phẩm cao hơn giá cả sản xuất. Đó là lý do vì sao nhà tư bản kinh doanh nông nghiệp trên ruộng đất xấu nhất vẫn thu được địa tô trả cho địa chủ.



3.3. Địa tô ruộng đất

Giá cả sản xuất = Chi phí sản xuất (K) + $\bar{P}$

Giá cả nông phẩm (độc quyền) > Giá cả sản xuất

Giá cả nông phẩm (giá độc quyền) - Giá cả sản xuất = r

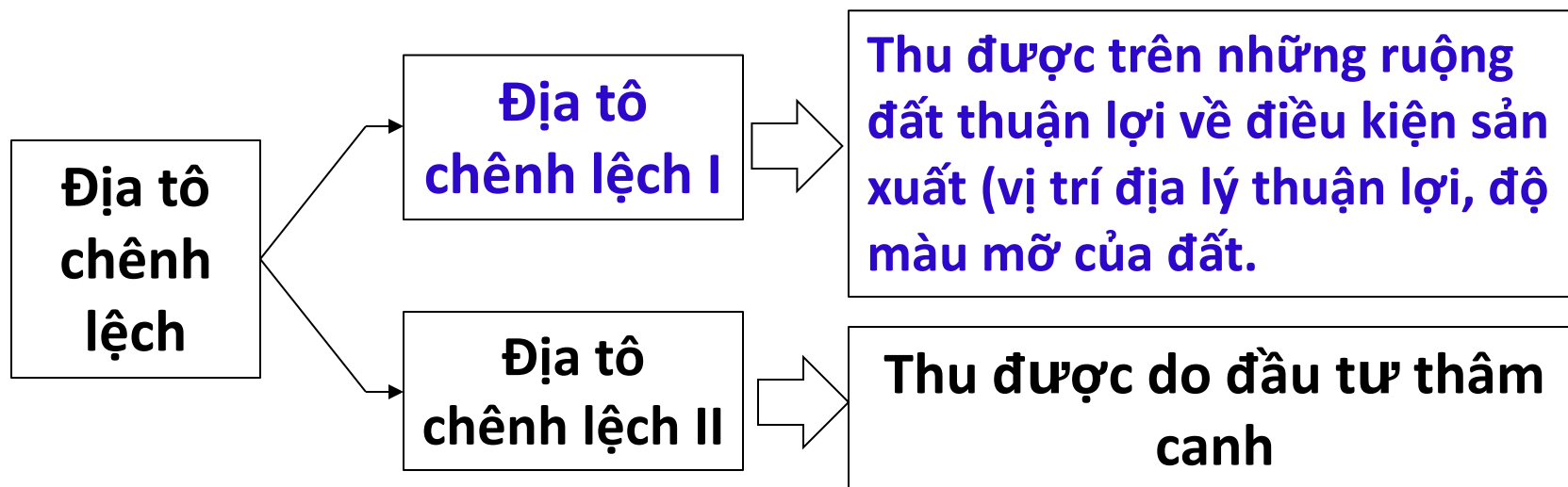
- **Địa tô chênh lệch:** là kết quả của hiệu suất khác nhau giữa các tư bản ngang nhau đầu tư vào ruộng đất nhưng có độ phì nhiêu khác nhau. Nó là sự chênh lệch kết quả giữa các loại đất từ loại đất xấu nhất đến đất tốt nhất.

Loại đất	Héc ta	Giá cả sản xuất	Sản phẩm (tạ)	Địa tô bằng sản phẩm (tạ)	Địa tô bằng tiền
A	1	20	10	0	0
B	1	20	12	2	10
C	1	20	14	4	20
D	1	20	16	6	30



➤ Địa tô chênh lệch

Loại ruộng	hecta	Địa tô TBCN (năm)	Địa tô tuyệt đối	Địa tô chênh lệch
A	1	100 USD	100 USD	0
B	1	110 USD	100 USD	10 USD
C	1	120 USD	100 USD	20 USD
D	1	130 USD	100 USD	30 USD





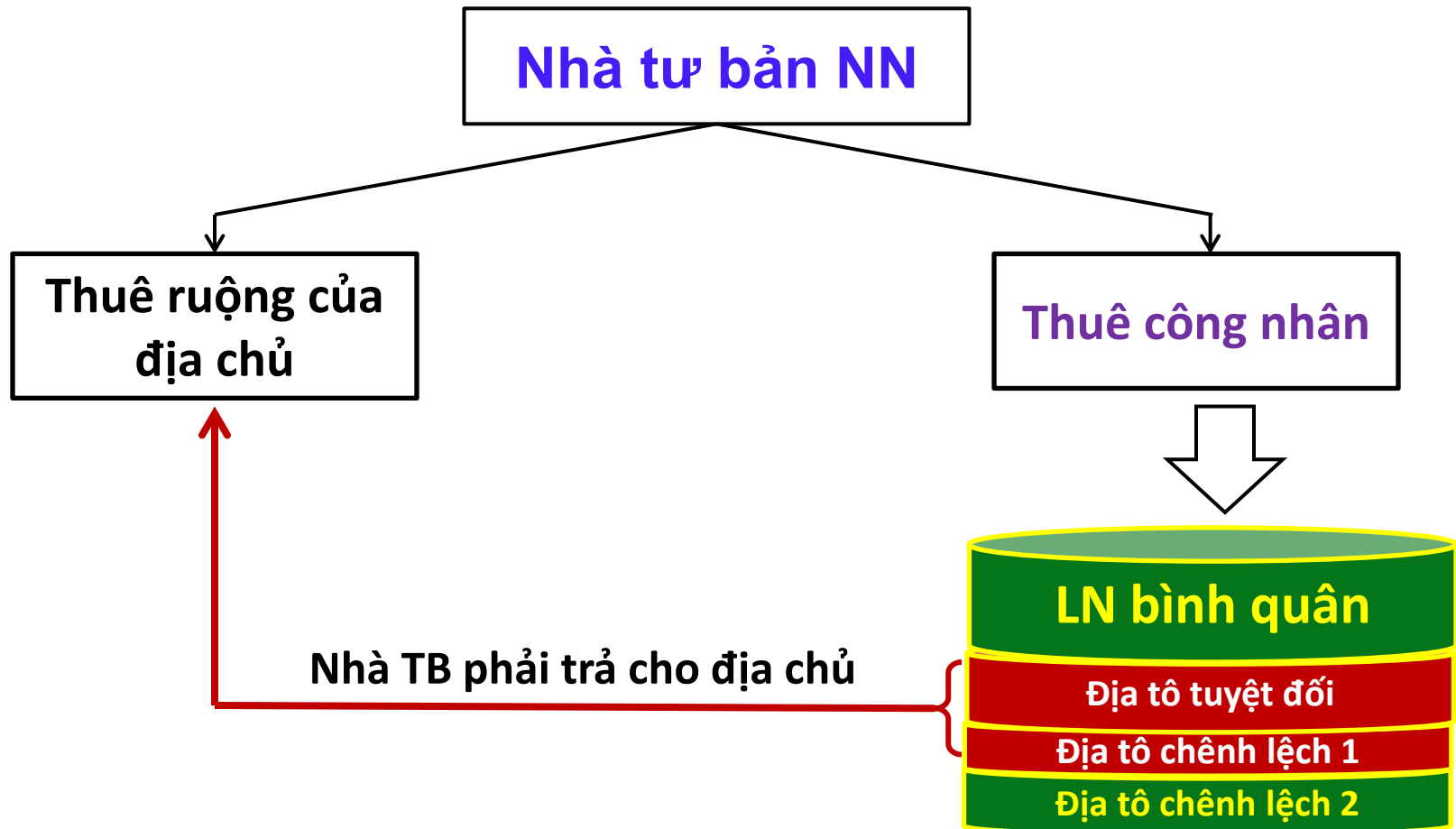
➤ Địa tô ruộng đất

**Thâm
canh**





3.3. Địa tô tư bản chủ nghĩa



Nhận xét: Địa tô TBCN là lợi nhuận siêu ngạch.



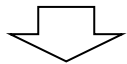
3.3. Địa tô tư bản chủ nghĩa

Địa tô trước TBCN	Địa tô Tư bản chủ nghĩa
- Quan hệ SX 2 giai cấp (địa chủ và lĩnh canh – nông nô)	- Quan hệ sản xuất 3 giai cấp (địa chủ, công nhân nông nghiệp và người lĩnh canh – nhà tư bản kinh doanh NN)
- Tín dụng TBCN chưa phát triển, chủ yếu là cho vay nặng lãi. Sản xuất nhỏ, manh mún.	- Tín dụng TBCN phát triển, lợi tức thấp thúc đẩy tích tụ tập trung sản xuất trong nông nghiệp, thúc đẩy nền nông nghiệp sản xuất lớn.
- Địa tô là toàn bộ phần giá trị thặng dư được tạo ra mà người lĩnh canh phải trả cho chủ đất. (Địa tô là hình thái của giá trị thặng dư trong NN)	- Địa tô TBCN là 1 phần của toàn bộ giá trị thặng dư sau khi đã khấu trừ lợi nhuận bình quân bằng cách bóc lột trực tiếp công nhân nông nghiệp. (Địa tô TBCN chỉ còn là 1 chi nhánh của giá trị thặng dư)
- Địa tô tồn tại dưới các hình thái: địa tô lao dịch – địa tô sản phẩm – địa tô tiền tệ	- Hình thái địa tô tiền tệ.
- Giá cả nông phẩm thấp hơn	- Giá cả nông phẩm cao hơn



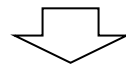
❖ VAI TRÒ CỦA CÁC GIAI CẤP TRONG KINH DOANH NÔNG NGHIỆP TBCN

Địa chủ



Ruộng đất là một hòn đá nam châm vĩnh cửu dùng để hút lấy một phần giá trị thặng dư do tư bản bóc lột được.

Nhà tư bản



Tư bản là một cái máy bơm vĩnh cửu để thu hút lao động thặng dư.

Công nhân

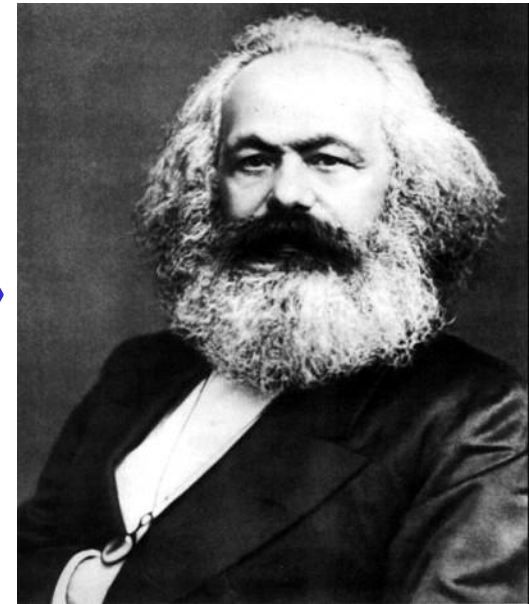


Lao động là điều kiện tự nó không ngừng được đổi mới, cho phép công nhân nhận được dưới hình thái tiền công, một phần giá trị do anh ta sáng tạo ra.



❖ Giá cả đất đai

Giá cả ruộng đất là phạm trù kinh tế bất hợp lý. Giá cả ruộng đất là hình thức địa tô tư bản hóa. Giá cả ruộng đất là giá mua quyền thu địa tô do ruộng đất mang lại.



$$\text{Giá cả đất đai} = \frac{\text{Địa tô}}{\text{Tỷ suất lợi tức nhận gửi của ngân hàng}}$$